

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Nhung

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG – 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN
KHO TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Nguyễn Thị Nhung

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG – 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Nhung

Mã SV: 1013401104

Lớp: QTL401K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại Công ty

Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Đông Á

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa lý luận cơ bản về tổ chức kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại.
 - Phản ánh thực trạng về tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Thương mại Đông Á.
 - Đánh giá ưu, nhược điểm của tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Thương mại Đông Á, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu năm 2011 của công ty TNHH Thương mại Đông Á.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Đông Á

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương
Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng
Nội dung hướng dẫn:

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....
Học hàm, học vị:.....
Cơ quan công tác:.....
Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.
- Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	3
1.1 Những vấn đề chung về hàng tồn kho.	3
1.1.1 Khái niệm, đặc điểm, và phân loại hàng tồn kho	3
1.1.1.1 Khái niệm	3
1.1.1.2. Đặc điểm của hàng tồn kho	3
1.1.1.3. Phân loại hàng tồn kho	4
1.1.2. Nguyên tắc và nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho	5
1.1.2.1. Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho	5
1.1.2.2. Nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp	6
1.1.3. Phương pháp tính giá hàng tồn kho	7
1.1.3.1. Khâu nhập	7
1.1.3.2. Khâu xuất	10
1.1.4. Chứng từ và sổ kế toán chi tiết sử dụng trong kế toán hàng tồn kho	12
1.2. Kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại	13
1.2.1 Kế toán chi tiết hàng tồn kho	13
1.2.1.1 Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song	13
1.2.1.2 Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển..	15
1.2.1.3 Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp sổ số dư	16
1.2.2 Kế toán tổng hợp hàng tồn kho	18
1.2.2.1. Kế toán hàng mua đang đi đường:	18
1.2.2.2. Kế toán công cụ dụng cụ:	20
1.2.2.3 Kế toán hàng hóa	25
1.2.2.4 Kế toán hàng gửi bán	30
1.2.2.5 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	32
1.3. Các hình thức sổ kế toán áp dụng trong doanh nghiệp	34
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	34
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	36
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	38
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ	40

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	42
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á.....	44
2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH Thương mại Đông Á.....	44
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương mại Đông Á.	44
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Thương mại Đông Á.	45
2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH TM Đông Á..	45
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.....	47
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á	47
2.1.4.2 Hình thức kế toán, chính sách, chế độ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Thương mại Đông Á.	49
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Đông Á.	52
2.2.1. Đặc điểm và quy trình nhập - xuất hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Đông Á.	52
2.2.1.1. Đặc điểm hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Đông Á	52
2.2.1.2 Quy trình nhập – xuất hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Đông Á...52	
2.2.2. Tính giá hàng tồn kho tại công ty TNHH Thương mại Đông Á.....	54
2.2.2.1. Tính giá nhập kho.....	54
2.2.2.2. Tính giá xuất kho.....	55
2.2.3. Phương pháp kế toán chi tiết hàng tồn kho.....	56
2.2.4. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho tại công ty TNHH Thương mại Đông Á.	69
2.2.4.1. Tài khoản sử dụng	69
2.2.4.2. Chứng từ kế toán sử dụng	69
2.2.4.3. Phương pháp hạch toán.	69
2.2.4.4. Một số ví dụ:	72

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á.....	84
3.1. Phương hướng phát triển của Công ty TNHH Thương mại Đông Á ..	84
3.2. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.....	84
3.2.1. Kết quả đạt được	85
3.2.1.1. Thứ nhất: Về tổ chức bộ máy quản lý.....	85
3.2.1.2. Thứ hai: Về tổ chức bộ máy kế toán.....	85
3.2.1.3. Thứ ba: Về tổ chức công tác kế toán.....	86
3.2.1.4. Thứ tư: Về tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho	86
3.2.2. Những hạn chế	88
3.2.2.1. Thứ nhất: Về việc hạch toán chi phí thu mua	88
3.2.2.2. Thứ hai: Về vấn đề kiểm kê hàng tồn kho	88
3.2.2.3. Thứ ba: Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán	88
3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Thương mại Đông Á	89
3.3.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện	89
3.3.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.	90
3.3.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Thương mại Đông Á	91
3.3.3.1. Giải pháp số 1: Về hạch toán chi phí thu mua.	91
3.3.3.2. Giải pháp số 2: Về kiểm kê hàng tồn kho.....	94
3.3.3.3. Giải pháp số 3: Áp dụng phần mềm kế toán vào hạch toán kế toán.....	97
3.3.3.4. Phân tích chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý hàng tồn kho	101
KẾT LUẬN	103
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

LỜI MỞ ĐẦU

Hàng tồn kho là một bộ phận tài sản lưu động chiếm một giá trị lớn và có vị trí quan trọng trong toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh. Thông tin chính xác, kịp thời về hàng tồn kho không những giúp cho doanh nghiệp trong thực hiện và quản lý các nghiệp vụ kinh tế diễn ra hàng ngày, mà còn giúp cho doanh nghiệp có một lượng vật tư, hàng hóa đảm bảo cho hoạt động kinh doanh diễn ra bình thường, không gây ứ đọng vốn và cũng không làm cho quá trình kinh doanh của doanh nghiệp không bị gián đoạn. Từ đó, có kế hoạch về tài chính cho việc mua sắm cung cấp hàng tồn kho cũng như điều chỉnh kế hoạch tiêu thụ hợp lý. Việc tính đúng giá hàng tồn kho còn có ý nghĩa vô cùng quan trọng khi lập báo cáo tài chính. Vì nếu tính sai lệch giá trị hàng tồn kho sẽ làm sai lệch các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính.

Trước yêu cầu phát triển kinh tế và xu thế hội nhập quốc tế, vấn đề đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và hạch toán kế toán càng trở lên cần thiết. Với mục tiêu đó chúng ta đã và đang nghiên cứu dần từng bước hoàn thiện hệ thống hạch toán kế toán. Đã có rất nhiều chuẩn mực kế toán và nhiều văn bản ban hành và quy định hướng dẫn thực hiện việc hạch toán kế toán dựa theo chuẩn mực kế toán quốc tế, phù hợp với đặc điểm và thực trạng kinh tế Việt Nam. Trong đó có chuẩn mực kế toán số 02 (VAS 02) ra đời đã đưa ra các qui định và hướng dẫn các nguyên tắc và phương pháp kế toán hàng tồn kho cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam.

Từ những nhận thức nêu trên cùng với những kiến thức đã được học trên ghế nhà trường, trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á, em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu hàng tồn kho tại Công ty và đã chọn đề tài làm khoá luận tốt nghiệp cho mình là: ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Đông Á”***. Đặc biệt có sự giúp đỡ của các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh nhất là dưới sự hướng dẫn của thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương và các anh chị trong phòng kế toán của Công ty đã giúp em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

↪ Khóa luận ngoài mở đầu và kết luận gồm 3 chương sau:

Chương 1 : *Lý luận cơ bản về tổ chức kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại.*

Chương 2 : *Thực trạng tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Đông Á.*

Chương 3 : *Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Đông Á.*

Mặc dù bản thân đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu, song do thời gian có hạn, vấn đề nghiên cứu rộng và phức tạp nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em mong được sự chỉ bảo, góp ý kiến của các anh chị trong phòng kế toán cùng các thầy cô để em hoàn thiện bài khóa luận và nâng cao kiến thức cho bản thân em nhằm phục vụ tốt cho quá trình công tác thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2012

Sinh viên

Nguyễn Thị Nhung

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

1.1 Những vấn đề chung về hàng tồn kho

1.1.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại hàng tồn kho

1.1.1.1 Khái niệm

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - Hàng tồn kho, ban hành ngày 31/12/2001 quy định, hàng tồn kho là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường;
- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang;
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

Như vậy: Hàng tồn kho trong doanh nghiệp là một bộ phận của tài sản ngắn hạn dự trữ cho sản xuất, lưu thông hoặc đang trong quá trình sản xuất chế tạo ở doanh nghiệp.

1.1.1.2. Đặc điểm của hàng tồn kho

- Thứ nhất, hàng tồn kho là một bộ phận của tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp và chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng tài sản lưu động của doanh nghiệp. Việc quản lý và sử dụng có hiệu quả hàng tồn kho có ảnh hưởng lớn đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thứ hai, hàng tồn kho trong doanh nghiệp được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, với chi phí cấu thành nên giá gốc hàng tồn kho khác nhau. Xác định đúng, đủ các yếu tố chi phí cấu thành nên giá gốc hàng tồn kho sẽ góp phần tính toán và hạch toán đúng, đủ, hợp lý giá gốc hàng tồn kho và chi phí hàng tồn kho làm cơ sở xác định lợi nhuận thực hiện trong kỳ.

- Thứ ba, hàng tồn kho tham gia toàn bộ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó có các nghiệp vụ xảy ra thường xuyên với tần suất lớn, qua đó hàng tồn kho luôn biến đổi về mặt hình thái hiện vật và chuyển

hoá thành những tài sản ngắn hạn khác như tiền tệ, sản phẩm dở dang hay thành phẩm, ...

- Thứ tư, hàng tồn kho trong doanh nghiệp bao gồm nhiều loại khác nhau với đặc điểm về tính chất thương phẩm và điều kiện bảo quản khác nhau. Do vậy, hàng tồn kho thường được bảo quản, cất trữ ở nhiều địa điểm, có điều kiện tự nhiên hay nhân tạo không đồng nhất với nhiều người quản lý. Vì lẽ đó, dễ xảy ra mất mát, công việc kiểm kê, quản lý, bảo quản và sử dụng hàng tồn kho gặp nhiều khó khăn, chi phí lớn.

- Thứ năm, việc xác định chất lượng, tình trạng và giá trị hàng tồn kho luôn là công việc khó khăn, phức tạp. Có rất nhiều loại hàng tồn kho rất khó phân loại và xác định giá trị như các tác phẩm nghệ thuật, các loại linh kiện điện tử, đồ cổ, kim khí quý...

1.1.1.3. Phân loại hàng tồn kho

Để quản lý tốt hàng tồn kho, tính đúng và tính đủ giá gốc hàng tồn kho cần phân loại và sắp xếp hàng tồn kho theo những tiêu thức nhất định.

a, Phân loại hàng tồn kho theo mục đích sử dụng và công dụng của hàng tồn kho.

- Hàng tồn kho dự trữ cho sản xuất: Là toàn bộ hàng tồn kho được dự trữ để phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp cho hoạt động sản xuất như NVL, bán thành phẩm, công cụ dụng cụ, gồm cả giá trị sản phẩm dở dang.

- Hàng tồn kho dự trữ cho tiêu thụ: phản ánh toàn bộ hàng tồn kho được dự trữ phục vụ cho mục đích bán ra của doanh nghiệp như hàng hoá, thành phẩm,...

b, Phân loại hàng tồn kho theo nguồn hình thành:

Theo tiêu thức phân loại này, hàng tồn kho được chia thành:

- Hàng tồn kho được mua vào: Bao gồm:

+ Hàng mua từ bên ngoài: Là toàn bộ hàng tồn kho được doanh nghiệp mua từ các nhà cung cấp ngoài hệ thống tổ chức kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Hàng mua nội bộ: Là toàn bộ hàng tồn kho được doanh nghiệp mua từ

các nhà cung cấp thuộc hệ thống tổ chức kinh doanh của doanh nghiệp như mua hàng giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một Công ty, Tổng Công ty v.v...

- Hàng tồn kho tự gia công: Là toàn bộ hàng tồn kho được DNSX, gia công tạo thành.

- Hàng tồn kho được nhập từ các nguồn khác: Như hàng tồn kho được nhập từ liên doanh, liên kết, hàng tồn kho được biếu tặng.v.v...

c, Phân loại hàng tồn kho theo địa điểm bảo quản:

- Hàng tồn kho trong doanh nghiệp: Phản ánh toàn bộ hàng tồn kho đang được bảo quản tại doanh nghiệp như hàng trong kho, trong quầy,...

- Hàng tồn kho bên ngoài doanh nghiệp: Phản ánh toàn bộ hàng tồn kho đang được bảo quản tại các đơn vị, tổ chức, cá nhân ngoài doanh nghiệp như hàng gửi bán, hàng đang đi đường.

d, Theo chuẩn mực 02 - Hàng tồn kho được phân thành:

- Hàng hoá mua để bán: Hàng hoá tồn kho, hàng mua đang đi trên đường, hàng gửi đi bán, hàng hoá gửi đi gia công chế biến...

- Thành phẩm tồn kho và thành phẩm gửi đi bán;

- Sản phẩm dở dang và chi phí dịch vụ chưa hoàn thành: Là những sản phẩm chưa hoàn thành và sản phẩm đã hoàn thành nhưng chưa làm thủ tục nhập kho thành phẩm.

- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ: tồn kho, gửi đi gia công chế biến, đã mua đang đi trên đường.

1.1.2. Nguyên tắc và nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho

1.1.2.1. Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Có 4 nguyên tắc:

(1) Trị giá của hàng tồn kho phải được đánh giá theo nguyên tắc “giá gốc”. Kế toán phải xác định được giá gốc của hàng tồn kho ở từng thời điểm khác nhau. Giá gốc bao gồm: Chi phí thu mua (gồm cả giá mua), chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

(2) Trong một doanh nghiệp chỉ được áp dụng một trong hai phương pháp kế toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ. Việc lựa chọn phương pháp nào là tùy thuộc vào tình hình cụ thể của doanh nghiệp như : đặc điểm, tính chất, số lượng chủng loại và yêu cầu công tác quản lý của doanh nghiệp. Khi thực hiện phương pháp nào phải đảm bảo tính chất nhất quán trong niên độ kế toán.

(3) Kế toán hàng tồn kho phải thực hiện đồng thời kế toán chi tiết cả về giá trị lẫn hiện vật . Kế toán phải theo dõi chi tiết từng thứ, từng loại...theo địa điểm quản lý sử dụng, luôn luôn phải đảm bảo sự khớp đúng cả về giá trị lẫn hiện vật, giữa thực tế với số liệu trên sổ kế toán, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết.

(4) Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá được lập căn cứ vào quy định hiện hành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được: là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc hoàn thành hoặc tiêu thụ chúng.

1.1.2.2. Nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp

- Phải tuân thủ nguyên tắc về thủ tục chứng từ nhập - xuất hàng hóa,... ghi chép, phản ánh trung thực, đầy đủ, kịp thời tình hình biến động của hàng tồn kho, trên cơ sở đó ngăn ngừa và phát hiện những hành vi tham ô, thiếu trách nhiệm làm tổn hại đến tài sản của doanh nghiệp.

- Tổ chức hợp lý kế toán chi tiết hàng tồn kho, kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán nghiệp vụ ở nơi bảo quản vật tư, hàng hóa với kế toán chi tiết vật tư, hàng hóa ở phòng kế toán; thiết lập quan hệ kiểm tra đối chiếu số liệu với các bộ phận liên quan.

- Xác định đúng đắn giá gốc của hàng tồn kho để làm cơ sở xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phải thực hiện chế độ kiểm kê định kỳ hàng tồn kho nhằm đảm bảo sự phù hợp giữa số liệu trên sổ sách kế toán với số liệu hàng tồn kho thực tế trong kho.

1.1.3. Phương pháp tính giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho thường là tài sản quan trọng của doanh nghiệp, việc xác định phương pháp tính giá ảnh hưởng đến báo cáo tài chính, nên phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho phải cung cấp được những con số thực tế và chính xác. Việc xác định giá trị hàng tồn kho phải được tuân thủ “nguyên tắc giá gốc” (Giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại). Tuy nhiên, chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường, chi phí bảo quản hàng tồn kho, chi phí bán hàng và chi phí quản lý không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho.

1.1.3.1. Khâu nhập:

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo **giá gốc**. Việc xác định giá gốc của hàng tồn kho trong các trường hợp cụ thể khác nhau tùy theo nguồn gốc hình thành, giá gốc của hàng tồn kho nhập trong kỳ được tính như sau:

❖ *Đối với hàng tồn kho mua ngoài:*

$$\text{Giá gốc} = \text{Giá mua} + \text{Các khoản thuế không hoàn lại} + \text{Chi phí thu mua} - \text{Các khoản giảm giá, chiết khấu thương mại}$$

Giá mua ghi trên hoá đơn: Là số tiền mà doanh nghiệp phải trả cho người bán theo hợp đồng hay hoá đơn tùy thuộc vào phương pháp tính thuế GTGT mà doanh nghiệp áp dụng, cụ thể là:

- Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ giá mua hàng hoá là giá chưa có thuế GTGT đầu vào.
- Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và hàng không chịu thuế GTGT thì giá mua là tổng thanh toán.

Chi phí thu mua hàng hoá: Chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc dỡ, lưu kho, lưu bãi, bảo hiểm hàng mua, hao hụt trong định mức cho phép, công tác phí của bộ phận thu mua, dịch vụ phí,...

Các khoản thuế không được hoàn lại: Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT (không khấu trừ)

Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp được giảm trừ do đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận

Giảm giá hàng mua: Là số tiền mà người bán giảm trừ cho người mua do hàng kém phẩm chất, sai quy cách... khoản này ghi giảm giá mua hàng hoá.

- Đối với hàng tồn kho là hàng hóa ở doanh nghiệp thương mại thì giá nhập cần phải chi tiết giá mua và chi phí thu mua hàng hóa: Theo VAS 02 “Hàng tồn kho”, giá gốc hàng hóa ở các công ty thương mại được xác định trên cơ sở giá mua, các khoản thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Trong đó, ta cần phân biệt sự khác nhau giữa hai chỉ tiêu giá mua hàng hóa và chi phí thu mua hàng hóa.

* Giá mua hàng hóa: Là chỉ tiêu được dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động của hàng hóa trong kho tính theo trị giá mua vào:

$$\begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua của hàng} \\ \text{thực nhập} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản thuế không được} \\ \text{hoàn lại} \end{array}$$

Trường hợp hàng hóa mua về cần phải gia công, sơ chế, phân loại để tăng thêm giá trị hoặc khả năng bán ra của hàng hóa thì các chi phí này được tính vào chỉ tiêu giá mua hàng hóa.

Trường hợp công ty thương mại được hưởng các khoản chiết khấu thương mại do mua hàng với khối lượng lớn hoặc được giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất thì những khoản này được trừ khỏi chỉ tiêu giá mua hàng hóa.

* Chi phí thu mua hàng hóa: Là chi tiêu dùng để phản ánh tất cả các chi phí liên quan trực tiếp quá trình thu mua hàng hóa tính đến khi hàng hóa nhập kho. Ngoài các chi phí chủ yếu như vận chuyển, bốc xếp, bảo quản hàng hóa phát sinh trong quá trình mua hàng, chi tiêu này còn bao gồm các chi phí khác như chi phí bảo hiểm hàng hóa đang được vận chuyển, tiền thuê kho, thuê bến bãi, lương nhân viên thu mua và nhận hàng, chi phí của bộ phận thu mua độc lập...kể cả khoản hao hụt tự nhiên trong định mức phát sinh trong quá trình mua hàng.

* Phân bổ chi phí thu mua hàng hóa:

Về lý thuyết, toàn bộ chi phí thu mua hàng hóa phải được tính toán phân bổ cho hàng hóa đã bán và hàng tồn kho chưa bán được vào lúc cuối kỳ. Khi doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho bằng phương pháp kê khai thường xuyên thì hàng ngày khi xuất kho hàng hóa để bán kế toán sẽ tính toán và ghi chép vào các tài khoản có liên quan theo chi tiêu giá mua hàng hóa. Đến cuối kỳ trước khi xác định kết quả kinh doanh, kế toán phải phân bổ chi phí thu mua hàng hóa cho hàng đã bán trong kỳ và hàng hóa tồn kho cuối kỳ để tính giá vốn của hàng hóa đã bán và hàng hóa chưa bán cuối kỳ.

Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí thu mua hàng hóa tùy thuộc vào tình hình cụ thể của mỗi doanh nghiệp nhưng phải được thực hiện nhất quán trong niên độ kế toán. Sau đây là một trong những cách tính toán có thể áp dụng:

$$\begin{aligned}
 &\text{Chi phí thu mua phân bổ cho hàng tồn cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí thu mua hàng hóa lúc đầu kỳ} + \text{CP mua hàng hóa phát sinh trong kỳ}}{\text{KL hay giá mua của hàng tồn cuối kỳ} + \text{KL hay giá mua hàng hóa xuất trong kỳ}} \times \text{KL hay giá mua của hàng tồn cuối kỳ} \\
 &\text{CP thu mua phân bổ cho hàng bán trong kỳ} = \text{CP thu mua hàng hóa lúc đầu kỳ} + \text{CP thu mua hàng hóa phát sinh trong kỳ} - \text{CP thu mua phân bổ cho hàng tồn cuối kỳ}
 \end{aligned}$$

Chú ý:

- Đối với vật tư, hàng hóa mua vào bằng ngoại tệ phải căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam để ghi giá trị hàng tồn kho đã nhập kho.

- Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp (hoặc hàng tồn kho không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT), giá gốc hàng tồn kho nhập kho là giá bao gồm cả thuế GTGT được khấu trừ. Còn đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, giá gốc là giá không bao gồm thuế GTGT được khấu trừ

1.1.3.2. Khâu xuất:

Theo chuẩn mực kế toán hàng tồn kho, giá gốc xuất kho được áp dụng một trong các phương pháp sau:

- + Phương pháp tính theo giá đích danh.
- + Phương pháp tính nhập trước – xuất trước (FIFO).
- + Phương pháp tính nhập sau – xuất trước (LIFO).
- + Phương pháp tính bình quân gia quyền (BQGQ).

a, Phương pháp tính theo giá đích danh:

Phương pháp này đòi hỏi kế toán phải biết hàng tồn kho trong kho thuộc những lần nhập nào, đơn giá nhập là bao nhiêu. Giá trị xuất dùng được tính chi tiết căn cứ vào số lượng và đơn giá của nó. Theo phương pháp này, kế toán sẽ sử dụng hàng tồn kho. Đây là phương pháp hợp lý nhất trong 4 phương pháp, tuy nhiên đây cũng là phương pháp đòi hỏi nhiều công sức nhất vì phải nhận biết được giá gốc của từng đơn vị hàng tồn kho. Do vậy, phương pháp này thường áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

b, Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)

Phương pháp nhập trước - xuất trước áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn

kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

c, Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):

Phương pháp nhập sau, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

d, Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một hàng tồn kho về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Giá thực tế xuất kho = Số lượng xuất kho x Đơn giá thực tế bình quân

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{thực tế} \\ \text{bình quân} \end{array} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ + giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ + Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

- Nếu sau mỗi lần nhập, xuất kế toán xác định lại đơn giá thực tế bình quân thì giá đó được gọi là bình quân gia quyền liên hoàn (bình quân sau mỗi lần nhập).

- Nếu chỉ đến cuối kỳ kế toán mới xác định đơn giá bình quân để tính giá xuất kho trong cả kỳ và trị giá tồn kho cuối kỳ thì giá đó gọi là bình quân gia quyền cuối kỳ (bình quân gia quyền cố định).

1.1.4. Chứng từ và sổ kế toán chi tiết sử dụng trong kế toán hàng tồn kho:

Theo chế độ chứng từ kế toán kế toán chi tiết hàng tồn kho gồm có:

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 - VT).
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 - VT).
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa (Mẫu số 03 – VT).
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (03 P XK – 3LL).
- Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý (04 HDL-3LL).
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu số 04 - VT).
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sp, hàng hóa...(Mẫu số 05 - VT).
- Bảng kê mua hàng (Mẫu số 06 - VT).
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07 - VT).
- Bảng kê thu mua hàng hóa mua vào không có hóa đơn (04/GTGT).

.....

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước, các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm chứng từ kế toán tùy thuộc vào đặc điểm, tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực hoạt động, thành phần kinh tế...

Đối với các chứng từ kế toán thống nhất bắt buộc phải lập kịp thời, đầy đủ đúng quy định về mẫu biểu, nội dung, phương pháp lập, người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của các chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh.

Mọi chứng từ kế toán vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm... phải được tổ chức luân chuyển theo trình tự thời gian hợp lý, do kế toán trưởng quy định phục vụ cho việc phản ánh, ghi chép và tổng hợp số liệu kịp thời của các bộ phận cá nhân có liên quan.

Sổ (thẻ) kho được sử dụng để theo dõi số lượng nhập - xuất - tồn kho của từng thứ hàng tồn kho theo từng kho. Thẻ kho do phòng kế toán lập và ghi các dữ liệu: Tên, nhãn hiệu, quy cách, đơn vị tính, mã số hàng tồn kho... Sau đó giao

cho thủ kho để hạch toán nghiệp vụ ở kho, không phân biệt kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp nào.

Các sổ (thẻ) kế toán chi tiết hàng tồn kho, sổ đối chiếu luân chuyển, sổ số dư được sử dụng để hạch toán tình hình nhập - xuất - tồn kho về mặt giá trị hoặc cả mặt giá trị và hiện vật tùy thuộc phương pháp kế toán chi tiết áp dụng trong doanh nghiệp.

Ngoài những sổ kế toán chi tiết trên còn có thể mở bảng kê nhập, bảng kê xuất, bảng kê lũy kế tổng hợp - nhập - xuất - tồn kho hàng hóa phục vụ cho việc ghi sổ được đơn giản, nhanh chóng, kịp thời.

1.2. Kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại

1.2.1 Kế toán chi tiết hàng tồn kho

Kế toán hàng tồn kho phải đồng thời kế toán chi tiết cả về giá trị và hiện vật theo từng thứ, từng loại, quy cách vật tư, hàng hóa theo từng địa điểm quản lý và sử dụng, luôn phải đảm bảo sự khớp, đúng cả về giá trị và hiện vật giữa thực tế về vật tư, hàng hóa với sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết. Doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong 3 phương pháp kế toán chi tiết sau:

- Phương pháp thẻ song song.
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.
- Phương pháp sổ số dư.

1.2.1.1 Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song

Việc kế toán chi tiết được tổ chức tại kho và phòng kế toán.

Tại kho : Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép việc nhập xuất tồn theo số lượng. Mỗi thẻ kho dùng cho một thứ vật liệu, hàng hóa, thành phẩm, công cụ dụng cụ cùng nhãn hiệu qui cách ở cùng một kho. Phòng kế toán lập thẻ kho ghi các chỉ tiêu : tên, nhãn hiệu, qui cách, đơn vị tính, mã số hàng tồn kho, sau đó giao cho thủ kho sao chép hàng ngày.

Hàng ngày khi nhận được các chứng từ kế toán về nhập, xuất, thủ kho kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của chứng từ cho nhập xuất kho rồi ghi số lượng thực tế của hàng tồn kho nhập xuất vào chứng từ sau đó sắp xếp, chứng từ theo từng loại riêng biệt đồng thời căn cứ vào các chứng từ này thủ kho ghi số lượng

hàng tồn kho nhập xuất vào thẻ kho, mỗi chứng từ ghi một dòng, mỗi ngày thủ kho ghi số tồn kho và ghi vào thẻ kho. Sau khi ghi vào thẻ kho xong, thủ kho sắp xếp lại chứng từ và lập phiếu giao nhận chứng từ rồi chuyển những chứng từ đó cho nhân viên kế toán. Khi giao nhận phải ký vào phiếu giao nhận chứng từ để làm cơ sở xác định trách nhiệm.

Tại phòng kế toán : Kế toán sử dụng thẻ hay sổ chi tiết vật liệu, hàng hóa, thành phẩm, công cụ dụng cụ để ghi chép cả số lượng lẫn giá trị của hàng tồn kho nhập xuất tồn. Thẻ hoặc sổ kế toán chi tiết được mở tương ứng với thẻ kho cho từng thứ hàng tồn kho và cho từng kho. Định kỳ nhân viên kế toán xuống kho nhận chứng từ và kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, sau đó ký nhận vào phiếu giao nhận chứng từ. Khi nhận được chứng từ kế toán viên phải kiểm tra lại tính chất hợp lý hợp lệ của chứng từ, ghi số tiền vào chứng từ, phân loại chứng từ sau đó ghi số lượng nhập xuất lẫn giá trị vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và tính ra giá trị và số lượng tồn.

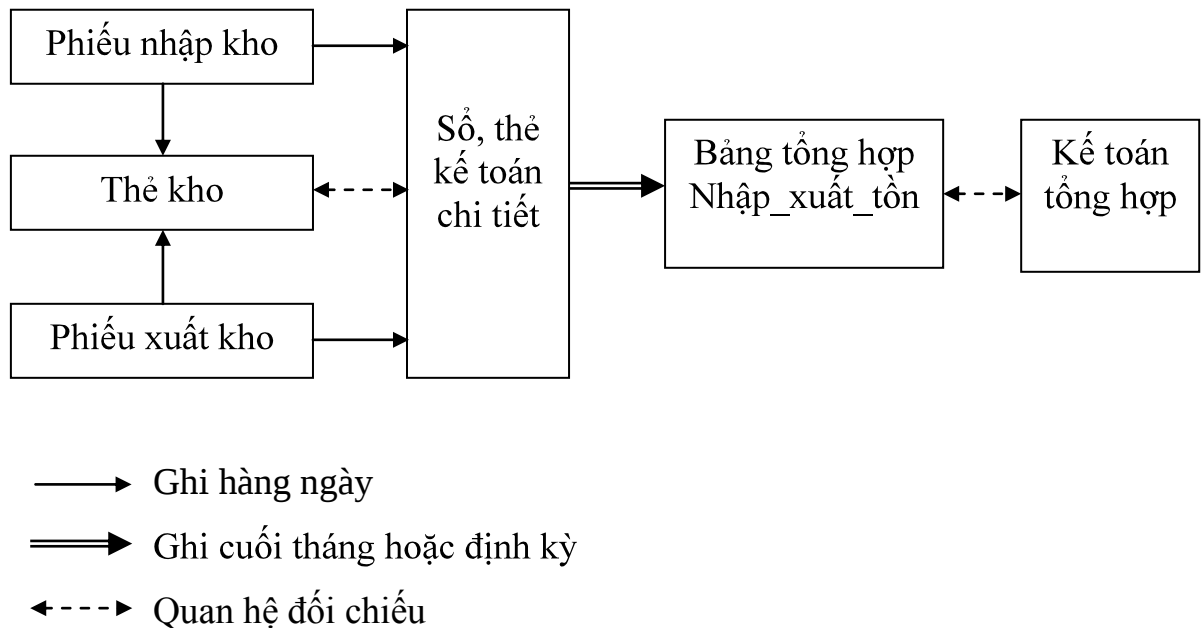
Cuối tháng sau khi đã ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh xong, kế toán tiến hành tính ra tổng số nhập, xuất và từ đó tính ra số tồn về cả số lượng lẫn giá trị. Số lượng hàng tồn kho ở sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết được dùng để đối chiếu với thẻ kho của từng thứ hàng tồn kho và đối chiếu với số liệu kiểm kê thực tế. Trong trường hợp có chênh lệch thì phải kiểm tra xác minh và tiến hành điều chỉnh theo chế độ qui định. Trên cơ sở số liệu tổng hợp của các sổ chi tiết kế toán sẽ lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn kho vật liệu, hàng hóa, thành phẩm, công cụ dụng cụ.

***Ưu điểm:** Phương pháp thẻ song song đơn giản dễ thực hiện, đảm bảo sự chính xác của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho quản trị hàng tồn kho. Hiện nay, phương pháp này được áp dụng phổ biến ở các doanh nghiệp.

***Nhược điểm:** Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng của kế toán.

***Điều kiện áp dụng:** thích hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại vật liệu, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít, phát sinh không thường xuyên và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của các nhân viên kế toán chưa cao.

Sơ đồ 1.1- Sơ đồ kế toán chi tiết HTK theo phương pháp thẻ song song



1.2.1.2 Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Phương pháp này được xây dựng trên cơ sở cải tiến phương pháp thẻ song song.

Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép, số lượng hàng tồn kho nhập xuất tồn giống như phương pháp thẻ song song.

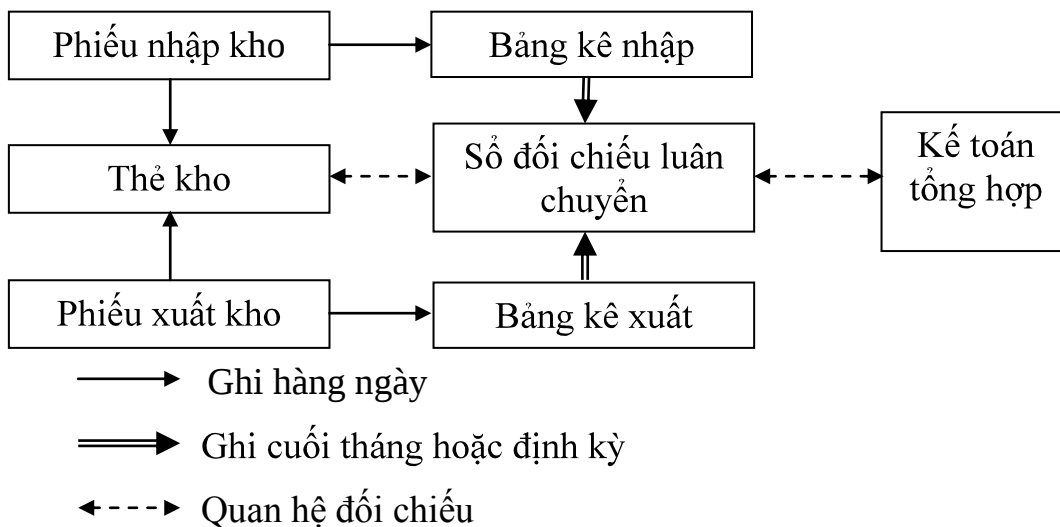
Tại phòng kế toán: Kế toán sử dụng “sổ đối chiếu luân chuyển” để ghi chép số lượng và giá trị của hàng tồn kho xuất nhập tồn của từng thứ vật liệu, thành phẩm, hàng hóa, công cụ, dụng cụ trong từng kho và chỉ ghi một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp số liệu của các chứng từ phát sinh trong tháng. Mỗi thứ vật liệu được ghi 1 dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển, khi nhận chứng từ kế toán viên cũng tiến hành kiểm tra chứng từ về tính hợp lý, hợp lệ.

Số lượng và giá trị của hàng tồn kho ghi trên sổ đối chiếu luân chuyển được dùng để đối chiếu với số lượng trên các thẻ kho và với giá trị trên sổ kế toán tổng hợp.

***Ưu điểm:** Phương pháp đối chiếu luân chuyển cũng đơn giản, dễ thực hiện nhưng có nhược điểm là khối lượng ghi chép của kế toán dồn vào cuối tháng quá nhiều nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của việc cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng khác nhau.

***Điều kiện áp dụng:** thích hợp với các doanh nghiệp có chủng loại hàng hóa ít, không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn hàng ngày. Phương pháp này thường ít được áp dụng trong thực tế.

Sơ đồ 1.2- Sơ đồ kế toán chi tiết HTK theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



1.2.1.3 Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp sổ sổ dư

Tại kho: Hàng ngày hoặc định kỳ 3 - 5 ngày sau khi ghi thẻ xong, thủ kho phải tập hợp toàn bộ các chứng từ nhập xuất kho phát sinh trong ngày hoặc trong kỳ theo từng nhóm vật liệu qui định. Căn cứ vào kết quả phân loại chứng từ của từng loại hàng tồn kho lập phiếu giao nhận chứng từ kê rõ số lượng, số hiệu các chứng từ của từng loại vật liệu, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa tồn kho. Phiếu giao nhận chứng từ phải lập riêng cho phiếu nhập kho một

bản, phiếu xuất kho một bản. Phiếu này sau khi lập xong được đính kèm với các tập phiếu nhập hoặc phiếu xuất để giao cho kế toán. Ngoài ra cuối tháng thủ kho còn phải căn cứ vào các thẻ kho đã được kế toán kiểm tra, ghi số lượng hàng tồn kho tồn kho cuối tháng để ghi vào sổ số dư. Sổ số dư kế toán mở cho từng kho, dùng cho cả năm và giao cho thủ kho trước ngày cuối tháng. Trong sổ số dư các danh điểm được in sẵn, sắp xếp theo thứ tự trong từng nhóm và loại hàng tồn kho. Ghi sổ số dư xong thủ kho chuyển giao cho phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền. Nhân viên kế toán phụ trách kho nào phải thường xuyên xuống kho để hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, nhận chứng từ và ký vào thẻ kho và phiếu giao nhận chứng từ.

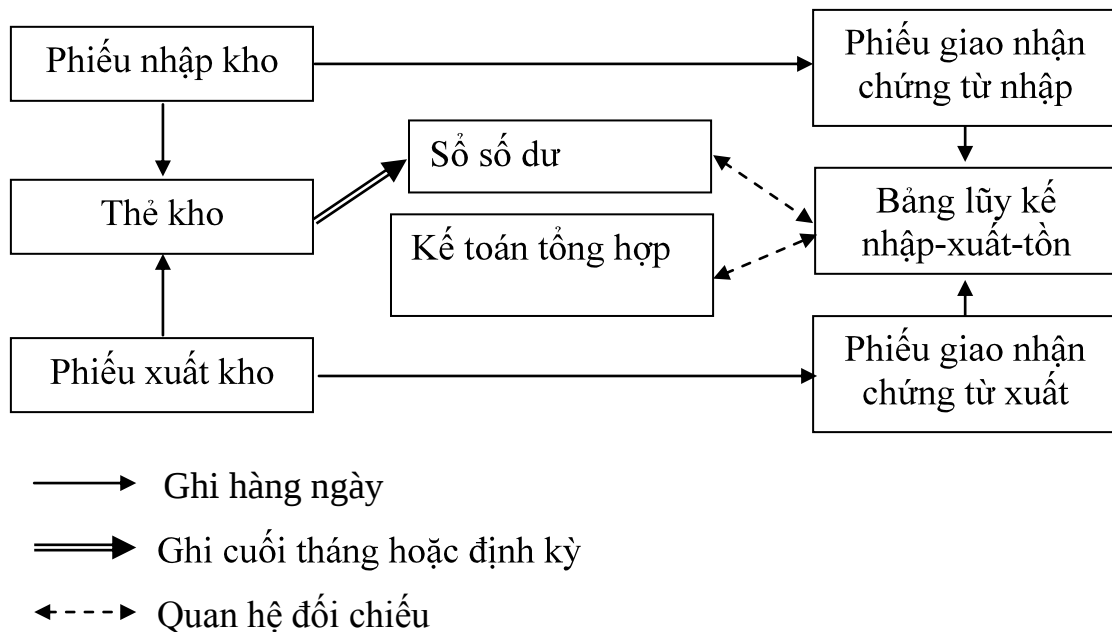
Tại phòng kế toán: Hàng ngày hoặc định kỳ kế toán nhận chứng từ và kiểm tra việc ghi chép của thủ kho. Khi chứng từ về phòng kế toán nhân viên kế toán hoàn chỉnh chứng từ sau đó tổng hợp giá trị hàng tồn kho nhập xuất kho theo từng thứ vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm ghi vào phiếu giao nhận chứng từ để từ đó ghi vào bảng kê lũy kế nhập xuất tồn kho hàng tồn kho, bảng này được mở cho từng kho. Cuối tháng kế toán tổng hợp toàn bộ giá trị hàng tồn kho nhập xuất kho trong tháng theo từng thứ vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm ở bảng kê lũy kế nhập xuất tồn vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm để ghi vào bảng tổng hợp nhập xuất tồn. Số tồn kho cuối tháng trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn được dùng để tiến hành đối chiếu số dư bằng tiền trên sổ số dư.

* **Ưu điểm:** Trong điều kiện thực hiện kế toán bằng phương pháp thủ công thì phương pháp sổ số dư được coi là phương pháp có ưu điểm hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, quản lý được hàng hóa, kế toán ghi chép đều đặn trong tháng bảo đảm cung cấp số liệu được chính xác và kịp thời, nâng cao công tác kế toán.

* **Điều kiện áp dụng:** thường xuyên áp dụng cho các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hóa việc nhập xuất diễn ra thường xuyên, doanh nghiệp

xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng hệ thống danh điểm hàng hóa hợp lý, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.

Sơ đồ 1.3- Sơ đồ kế toán chi tiết HTK theo phương pháp sổ số dư:



1.2.2 Kế toán tổng hợp hàng tồn kho

1.2.2.1. Kế toán hàng mua đang đi đường:

1.2.2.1.1 Khái niệm, đặc điểm:

Hàng mua đang đi đường là các loại vật tư, hàng hóa mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng chưa về nhập kho của doanh nghiệp, còn đang trên đường vận chuyển, đang ở bến cảng hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Hoặc theo cách hiểu khác: hàng mua đang đi đường là giá trị của số hàng hóa mà doanh nghiệp đi mua nhưng cuối tháng vẫn chưa về đến doanh nghiệp.

1.2.2.1.2 Tài khoản sử dụng:

TK 151 “Hàng mua đang đi đường”

Kết cấu và nội dung phản ánh:

Bên Nợ:

- Trị giá hàng hóa đã mua đang đi đường

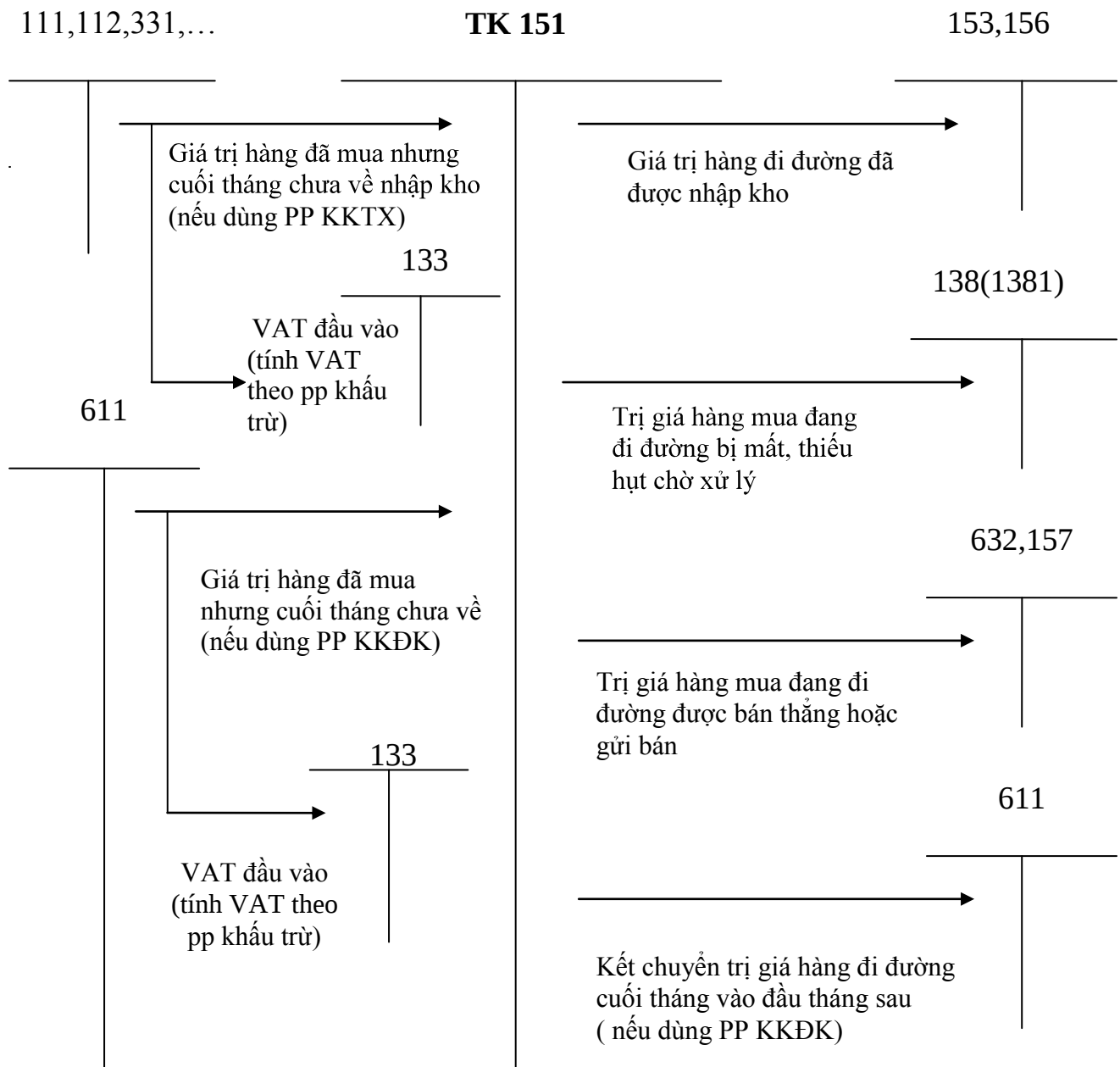
Bên Có:

- Trị giá hàng hóa đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng.

Số dư bên Nợ: Trị giá hàng hóa vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường
(Chưa về nhập kho đơn vị)

1.2.2.1.3 Phương pháp hạch toán hàng mua đang đi đường

Sơ đồ 1.4- Sơ đồ hạch toán tổng hợp hàng mua đang đi đường



1.2.2.2. Kế toán công cụ dụng cụ:**1.2.2.2.1 Khái niệm, đặc điểm:**

CCDC là những tư liệu lao động không đủ tiêu chuẩn quy định để xếp vào TSCĐ. Mặc dù CCDC được xếp vào loại hàng tồn kho, được quản lý và hạch toán giống như NVL nhưng thực tế CCDC lại có đặc điểm giống với TSCĐ, đó là:

- CCDC thường tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất- kinh doanh, trong quá trình sử dụng, chúng giữ nguyên hình thái hiện vật ban đầu.

- Về mặt giá trị, CCDC cũng bị hao mòn dần trong quá trình sử dụng, bởi vậy khi phân bổ giá trị CCDC vào chi phí SX-KD kế toán cần sử dụng phương pháp phân bổ thích hợp sao cho vừa đơn giản công tác kế toán vừa đảm bảo tính chính xác của thông tin kế toán ở mức có thể tin cậy được.

Xét về phương thức sử dụng, CCDC chia làm 3 loại:

- CCDC sử dụng thường xuyên cho quá trình sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (gọi tắt là CCDC)

- Bao bì luân chuyển: là bao bì sử dụng được nhiều lần để bao gói hàng hóa bán ra. Sau mỗi lần sử dụng bao bì luân chuyển sẽ được thu hồi lại.

- Đồ dùng cho thuê: là những CCDC chỉ sử dụng cho hoạt động cho thuê.

Theo qui định hiện hành, những tư liệu lao động sau đây không phân biệt tiêu chuẩn giá trị và thời gian sử dụng vẫn hạch toán là công cụ dụng cụ

- Các đà giáo, ván khuôn, công cụ, dụng cụ gá lắp chuyên dùng cho sản xuất xây lắp;

- Các loại bao bì bán kèm theo hàng hóa có tính tiền riêng, nhưng trong quá trình bảo quản hàng hóa vận chuyển trên đường và dự trữ trong kho có tính giá trị hao mòn để trừ dần giá trị của bao bì;

- Những dụng cụ đồ nghề bằng thủy tinh, sành, sứ;

- Phương tiện quản lý, đồ dùng văn phòng;

- Quần áo giày dép chuyên dùng để làm việc.....

1.2.2.2.2. Tài khoản sử dụng:

a, Tài khoản 153 “Công cụ, dụng cụ”

Kết cấu và nội dung phản ánh:

- Bên Nợ :

+ Giá trị thực tế của công cụ dụng cụ nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, nhận góp vốn

+ Nhận lại công cụ dụng cụ đã cho thuê trước đây;

+ Giá trị công cụ dụng cụ phát hiện thừa khi kiểm kê;

+ Kết chuyển giá trị thực tế công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

- Bên Có:

+ Giá trị thực tế công cụ dụng cụ xuất kho sử dụng cho sản xuất kinh doanh, cho thuê, đem góp vốn ...;

+ Giá trị công cụ dụng cụ phát hiện thiếu khi kiểm kê;

+ Công cụ dụng cụ trả lại cho người cung cấp, được người cung cấp giảm giá, chiết khấu thương mại được hưởng;

+ Kết chuyển giá trị thực tế công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

- Số dư Nợ : Giá trị thực tế công cụ dụng cụ tồn kho.

b, Tài khoản 611 “Mua hàng”

Kết cấu và nội dung phản ánh:

- Bên Nợ:

+ Kết chuyển giá gốc hàng hóa, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ

+ Giá gốc hàng hóa, công cụ dụng cụ mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại,...

- Bên Có:

+ Kết chuyển giá gốc hàng hóa, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (Theo kiểm kê).

+ Giá gốc hàng hóa, công cụ dụng cụ xuất dùng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (chưa xác định là đã bán).

+ Giá gốc hàng hóa, công cụ dụng cụ mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

- TK này cuối kỳ không có số dư.

Tài khoản 611 có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 611.1- “Mua nguyên liệu, vật liệu”.

- Tài khoản 611.2- “Mua hàng hóa”.

1.2.2.2.3 Phương pháp hạch toán CCDC:

Các phương pháp phân bổ CCDC:

- Phương pháp phân bổ 1 lần: Theo phương pháp này khi xuất dùng CCDC, kế toán phân bổ toàn bộ giá trị của nó vào chi phí sản xuất – kinh doanh của kỳ xuất dùng. Phương pháp này chỉ nên sử dụng trong trường hợp giá trị CCDC xuất dùng nhỏ hoặc thời gian sử dụng của CCDC rất ngắn.

- Phương pháp phân bổ 50%:

Theo phương pháp này, khi xuất dùng CCDC, kế toán tiến hành phân bổ 50% giá trị CCDC vào chi phí của kỳ xuất dùng. Khi các bộ phận sử dụng báo hỏng CCDC, kế toán tiến hành phân bổ phần giá trị còn lại của CCDC bị hỏng vào chi phí sản xuất-kinh doanh của kỳ báo hỏng:

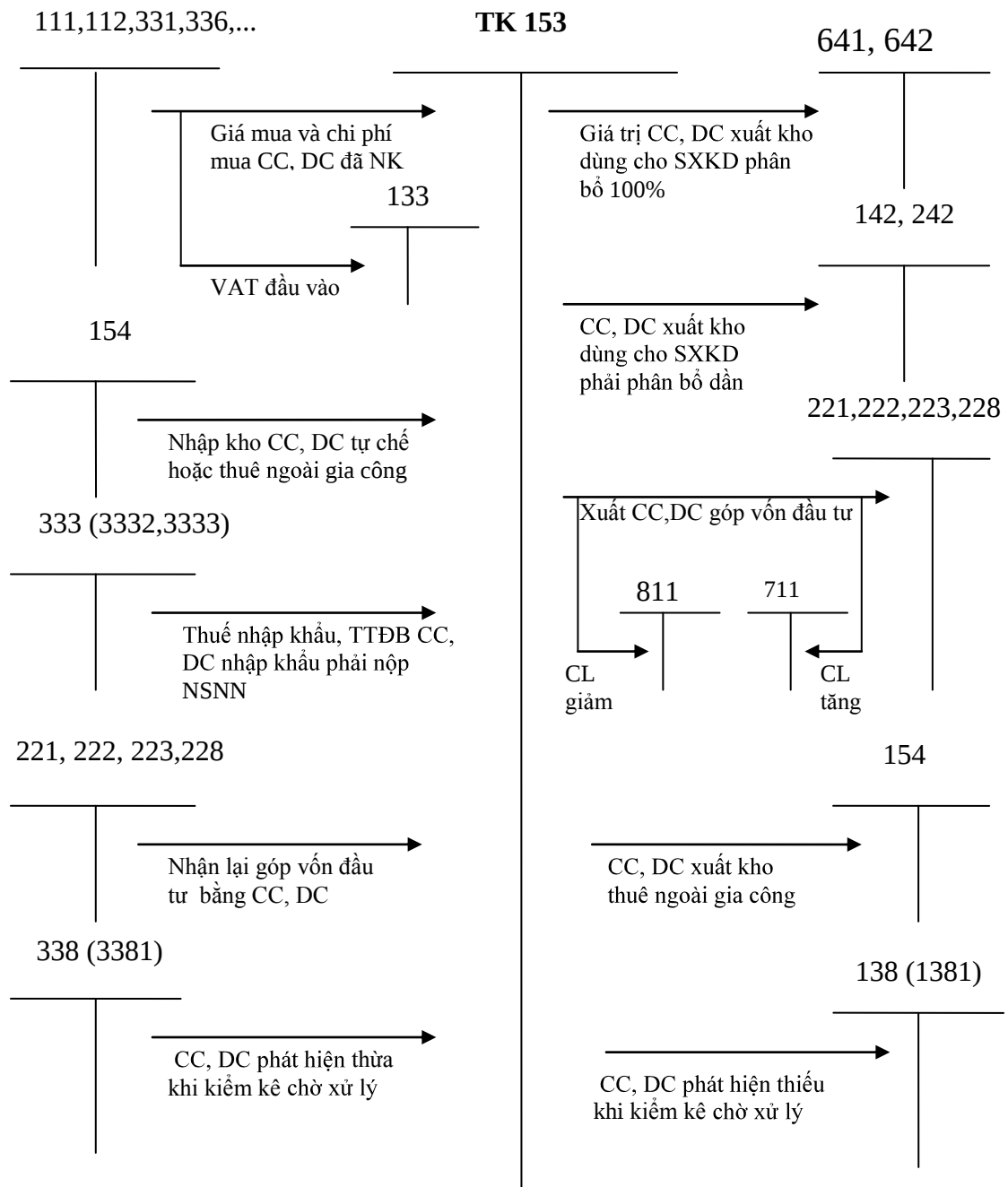
$$\text{GTCL của CCDC báo hỏng} = \frac{\text{GTT CCDC hỏng}}{2} - \text{Giá trị phế liệu thu hồi} - \text{Tiền bồi thường vật chất}$$

- Phương pháp phân bổ dần (nhiều lần):

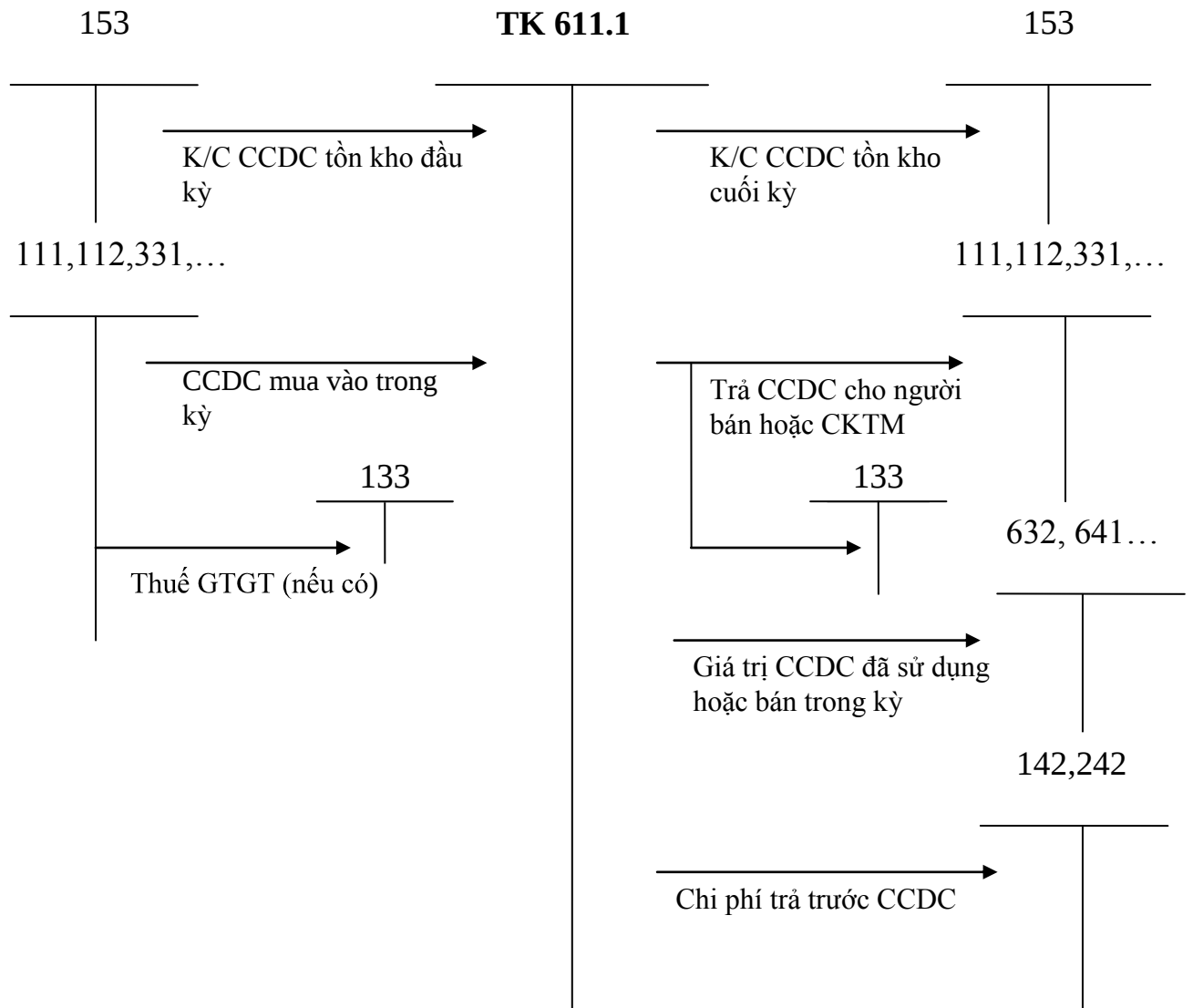
Theo phương pháp này, căn cứ vào giá trị của CCDC và thời gian sử dụng hoặc số lần sử dụng dự kiến để kế toán tính ra mức phân bổ cho một kỳ hoặc 1 lần sử dụng.

$$\text{Mức phân bổ giá trị CCDC trong một kỳ (1 lần sử dụng)} = \frac{\text{Giá trị CCDC xuất dùng}}{\text{Số kỳ hoặc số lần sử dụng}}$$

Sơ đồ 1.5 - Sơ đồ hạch toán công cụ, dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên:



**Sơ đồ 1.6 - Sơ đồ hạch toán công cụ dụng cụ theo
phương pháp kiểm kê định kỳ**



1.2.2.3 Kế toán hàng hóa**1.2.2.3.1 Khái niệm, đặc điểm:**

Trong các doanh nghiệp thương mại, vốn hàng hóa là vốn chủ yếu nhất và các nghiệp vụ kinh doanh hàng hóa là nghiệp vụ phát sinh thường xuyên và chiếm 1 khối lượng công việc rất lớn...và quản lý hàng hóa là một nội dung quản lý quan trọng hàng đầu trong các doanh nghiệp thương mại. Vì vậy, việc tổ chức tốt công tác kế toán lưu chuyển hàng hóa có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp.

1.2.2.3.2 Tài khoản sử dụng:

a, TK sử dụng 156 “Hàng hóa”

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại các kho hàng, quầy hàng, hàng hóa bất động sản.

- Bên Nợ:

- + Trị giá mua của hàng hóa theo hóa đơn mua hàng (Bao gồm các loại thuế không được hoàn lại);
- + Chi phí thu mua hàng hóa;
- + Trị giá của hàng hóa thuê ngoài gia công (Gồm giá mua và chi phí gia công);
- + Trị giá hàng hóa đã bán bị người mua trả lại;
- + Trị giá hàng hóa phát hiện thừa khi kiểm kê;
- + Kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ);
- + Trị giá hàng hóa bất động sản mua vào hoặc chuyển từ bất động sản đầu tư.

- Bên Có:

- + Trị giá của hàng hóa xuất kho để bán, giao đại lý, giao cho đơn vị phụ thuộc; thuê ngoài gia công, hoặc sử dụng cho sản xuất, kinh doanh;
- + Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hóa trong kỳ;
- + Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng

- + Các khoản giảm giá hàng mua được hưởng;
- + Trị giá hàng hóa trả lại cho người bán;
- + Trị giá hàng hóa phát hiện thiếu khi kiểm kê;
- + Kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ);
- + Trị giá hàng hóa bất động sản đã bán hoặc chuyển thành bất động sản đầu tư, bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc tài sản cố định.

- Số dư bên Nợ:

- + Trị giá mua của hàng hóa tồn kho;
 - + Chi phí thu mua của hàng hóa tồn kho;
- Tài khoản 156 – Hàng hóa có 3 tài khoản cấp 2:
- Tài khoản 1561 – Giá mua hàng hóa: Phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động của hàng hóa mua vào và đã nhập kho.
 - Tài khoản 1562 – Chi phí thu mua hàng hóa: Phản ánh chi phí thu mua hàng hóa phát sinh liên quan đến số hàng hóa đã nhập kho trong kỳ và tình hình phân bổ chi phí thu mua hàng hóa hiện có trong kỳ cho khối lượng hàng hóa đã bán trong kỳ và tồn kho thực tế cuối kỳ (Kể cả tồn trong kho và hàng gửi đi bán, hàng gửi đại lý, ký gửi chưa bán được). Chi phí thu mua hàng hóa hạch toán vào tài khoản này chỉ bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình thu mua hàng hóa như: Chi phí bảo hiểm hàng hóa, tiền thuê kho, thuê bến bãi...chi phí vận chuyển, bốc xếp bảo quản đưa hàng hóa từ nơi mua về đến kho doanh nghiệp; các khoản hao hụt tự nhiên trong định mức phát sinh trong quá trình thu mua hàng hóa.

- Tài khoản 1567 – Hàng hóa bất động sản: Phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hóa bất động sản của doanh nghiệp

Chú ý: Hạch toán trên TK 156.1 – Giá mua hàng hóa: những trường hợp nhập, gửi hàng sau không được ghi vào tài khoản 156.1:

- + Hàng nhận bán hộ, giữ hộ các đơn vị khác, hàng nhận bán đại lý, ký gửi
- + Hàng mua về sử dụng cho kinh doanh, cho tiêu dùng nội bộ.

b, TK 611 “Mua hàng”, TK cấp 2: TK 611.2 - Mua hàng hóa

Tài khoản 611.2 - Mua hàng hóa được sử dụng để hạch toán biến động hàng hóa kỳ báo cáo (nhập, xuất) trong trường hợp đơn vị sử dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

- Nguyên tắc hạch toán quá trình luân chuyển trên TK 611.2- mua hàng hóa được quy định:

+ Hàng hóa mua nhập kho vào theo các mục đích nhập đều căn cứ vào chứng từ để ghi cập nhật vào TK 611.2

+ Hàng xuất cho các mục đích được ghi một lần vào ngày cuối kỳ theo kết quả kiểm kê đánh giá hàng tồn (tồn kho, tồn quầy, tồn đại lý, tồn gửi bán,...). Hàng tồn kiểm kê sẽ được trị giá theo phương pháp thích hợp được lựa chọn áp dụng tại đơn vị hạch toán trên cơ sở quy định chung. Trị giá hàng hóa xuất khi đó được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá vốn} & & \text{Giá vốn} & & \text{Giá vốn hàng} & & \text{Giá vốn} \\ \text{hàng hóa} & = & \text{hàng hóa} & + & \text{hàng hóa} & - & \text{hàng hóa} \\ \text{xuất} & & \text{tồn đầu kỳ} & & \text{nhập} & & \text{tồn cuối kỳ} \\ & & & & \text{trong kỳ} & & \end{array}$$

Kết cấu, nội dung phản ánh trên TK 611.2- Mua hàng hóa:

- Bên Nợ:

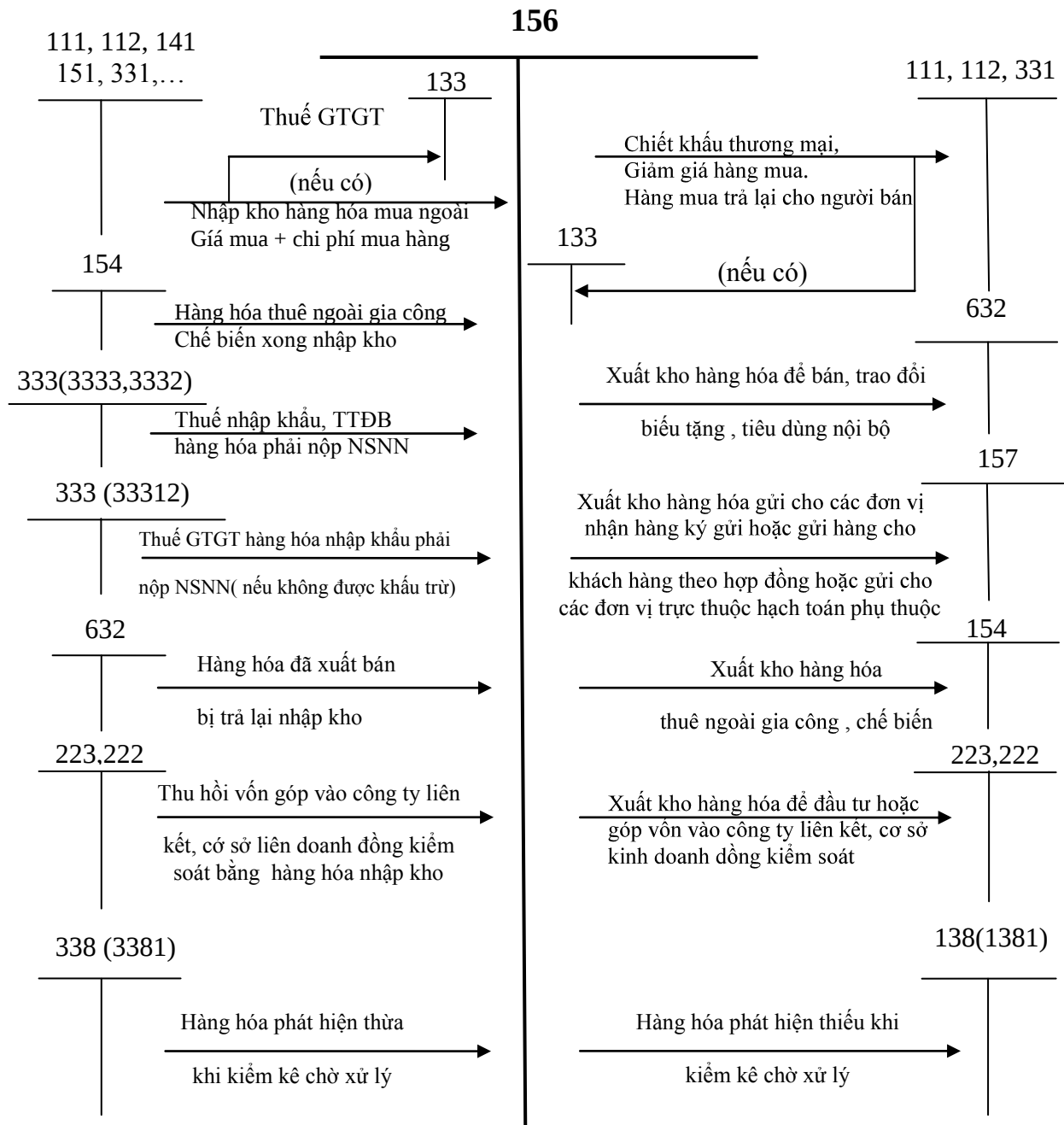
- + Trị giá vốn thực tế hàng hóa nhập mua và nhập khác trong kỳ
- + Trị giá vốn hàng hóa tồn đầu kỳ kết chuyển (tồn kho, tồn quầy, tồn gửi bán cho khách hàng, tồn đơn vị bán, đại lý ký gửi...)

- Bên Có:

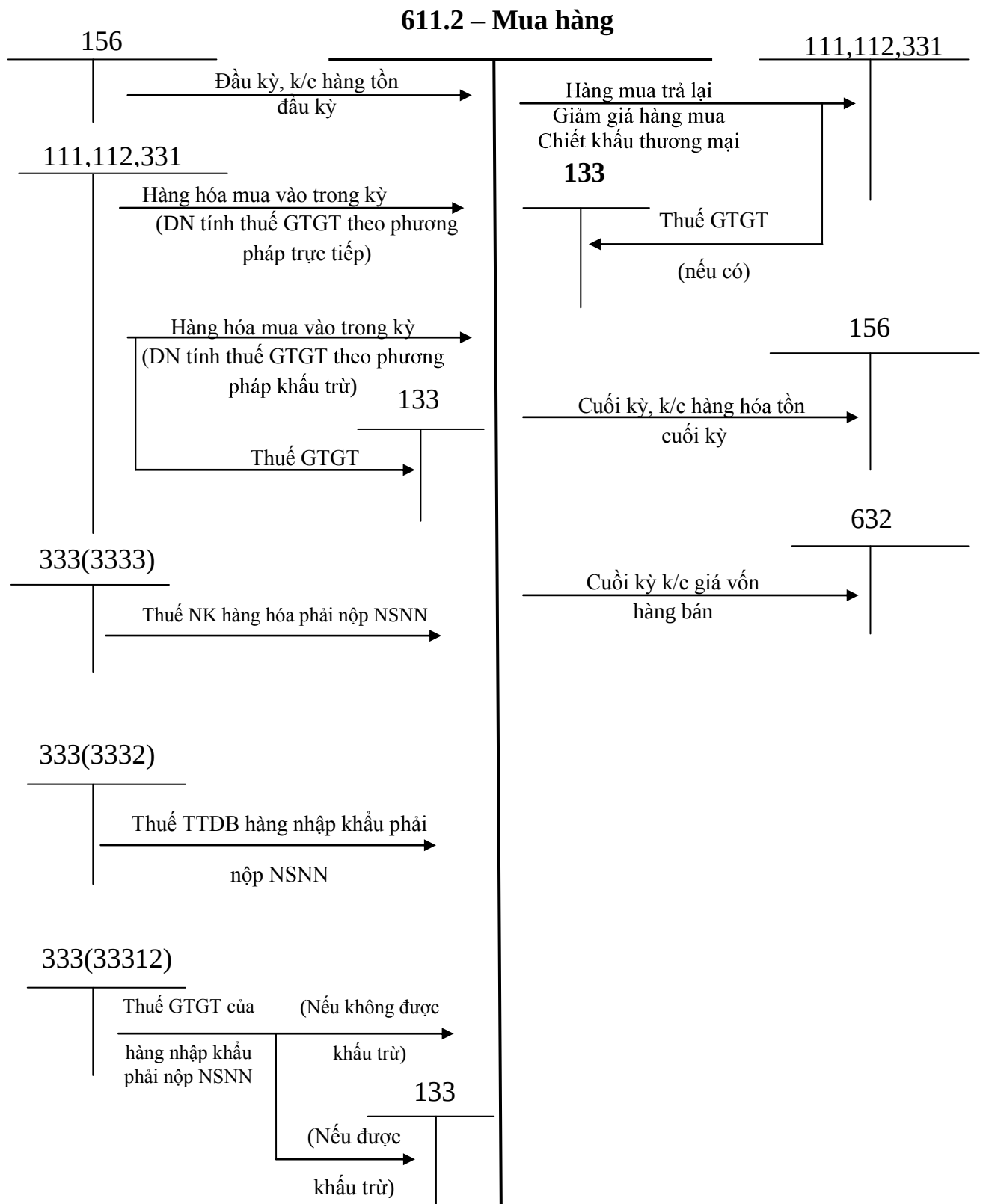
- + Trị giá vốn của hàng hóa tồn cuối kỳ.
 - + Giảm giá hàng hóa mua và chiết khấu thương mại được hưởng
 - + Trị giá vốn thực tế của số hàng hóa xuất bán và xuất khác trong kỳ.(Ghi ngày cuối kỳ theo kết quả kiểm kê).
- TK này cuối kỳ không có số dư.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán hàng hóa

Sơ đồ 1.7- Sơ đồ hạch toán hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.8 - Sơ đồ hạch toán hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.2.4 Kế toán hàng gửi bán**1.2.2.4.1 Khái niệm, đặc điểm**

Hàng gửi bán là sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng cho khách hàng chờ chấp nhận thanh toán theo hợp đồng mua bán, hoặc nhờ bán đại lý, ký gửi; giá trị lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành bàn giao cho người đặt hàng, người mua hàng chưa được chấp nhận thanh toán. Số hàng hóa, sản phẩm, lao vụ này vẫn thuộc quyền sở hữu của đơn vị.

1.2.2.4.2 Tài khoản sử dụng

TK 157 “Hàng gửi bán”

Kết cấu, nội dung phản ánh:

Bên Nợ:

- Trị giá hàng hóa đã gửi cho khách hàng, hoặc gửi bán đại lý, ký gửi; gửi cho các đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc.
- Trị giá dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa xác định được là bán.
- Cuối kỳ kết chuyển trị giá hàng hóa đã gửi đi bán chưa được xác định là đã bán cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

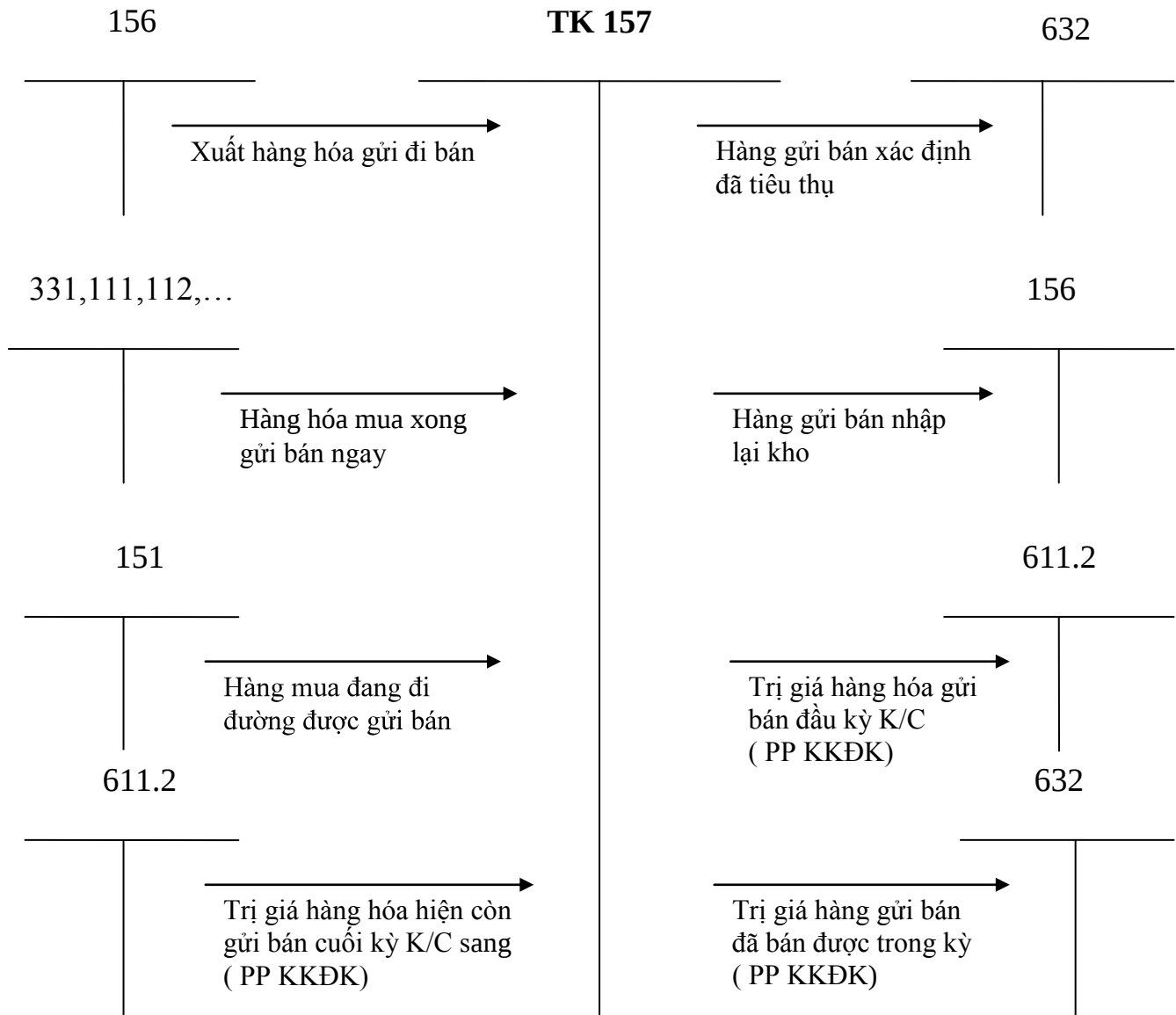
- Trị giá hàng hóa gửi đi bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là đã bán;
- Trị giá hàng hóa, dịch vụ đã gửi đi bị khách hàng trả lại.
- Đầu kỳ, kết chuyển trị giá hàng hóa đã gửi đi bán chưa được xác định là đã bán đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ:

Trị giá hàng hóa đã gửi đi, dịch vụ đã cung cấp chưa được xác định là đã bán trong kỳ.

1.2.2.4.3 Phương pháp hạch toán hàng gửi bán

Sơ đồ 1.9- Sơ đồ hạch toán tổng hợp hàng gửi bán



1.2.2.5 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

1.2.2.5.1 Khái niệm, đặc điểm:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho bị giảm.

Dự phòng là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất, kinh doanh phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho.

Điều kiện lập dự phòng:

Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên vật liệu, dụng cụ dùng cho sản xuất, vật tư, hàng hoá, thành phẩm tồn kho (gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển), sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang (sau đây gọi tắt là hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

Có hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

Là những vật tư, hàng hoá thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trường hợp nguyên vật liệu có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc nhưng giá bán sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá thì không được trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đó.

Phương pháp lập các khoản dự phòng:

Doanh nghiệp phải căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng của từng loại vật tư hàng hóa tồn kho để xác định mức dự phòng theo công thức sau:

Mức dự phòng giảm giá vật tư hàng hoá	=	Lượng vật tư hàng hoá thực tế tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính	x	Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán	-	Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho
---	---	--	---	---	---	---

Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp.

Riêng dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Thời gian lập và hoàn nhập dự phòng:

Thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là ngày 31/12 hàng năm, hay ngày cuối cùng của năm tài chính.

1.2.2.5.2 Tài khoản sử dụng:

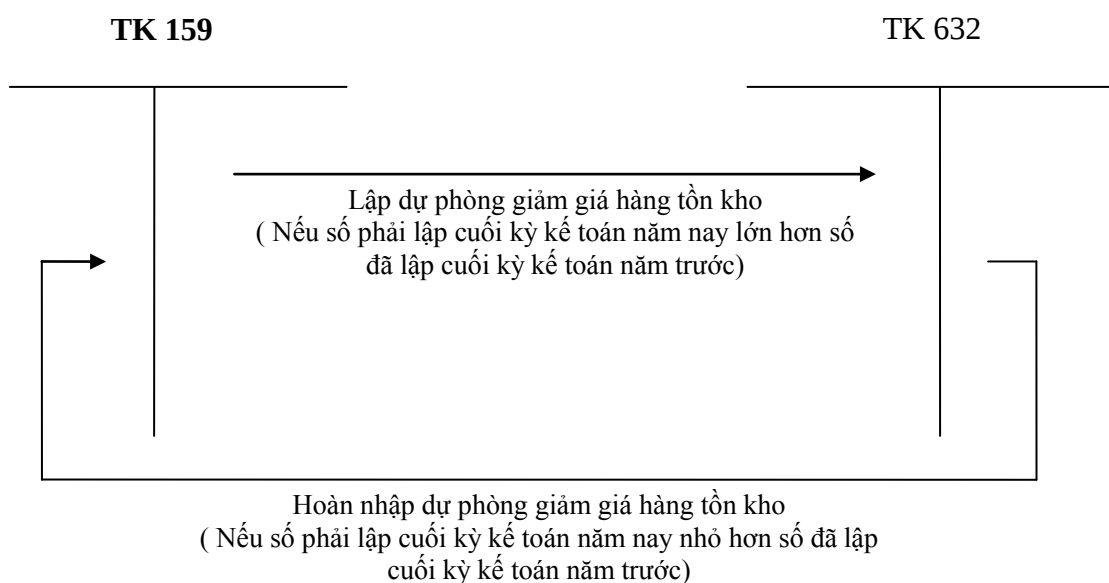
- Tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”

Kết cấu và nội dung phản ánh:

- **Bên Nợ** : Hoàn nhập dự phòng toàn bộ số dự phòng đã lập.
- **Bên Có** : Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào Giá vốn hàng bán.
- **Số dư Có** : Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho lập cho năm sau.

1.2.2.5.3 Phương pháp hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Sơ đồ 1.10- Sơ đồ hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho



1.3. Các hình thức sổ kế toán áp dụng trong doanh nghiệp

Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái;
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán. Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó, gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

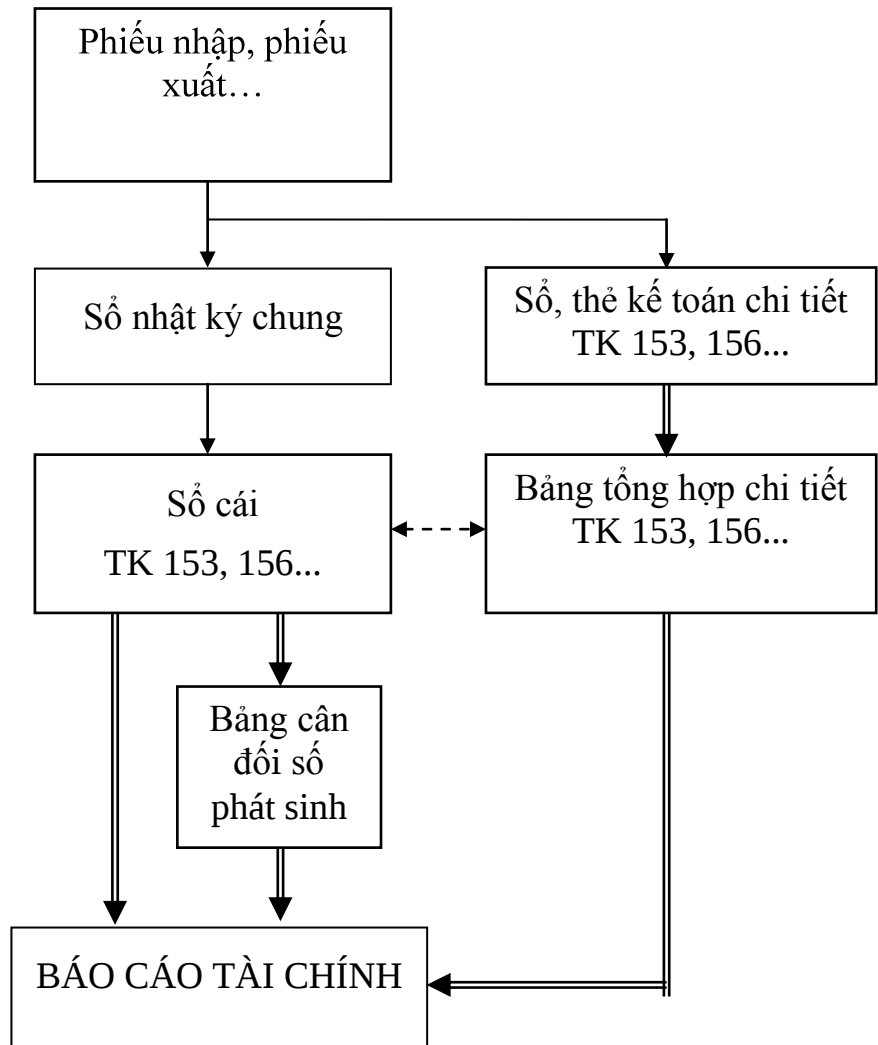
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký Chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức kế toán Nhật ký chung (sơ đồ 1.11)

**Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho
theo hình thức kế toán nhật ký chung**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ $\Longrightarrow$
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

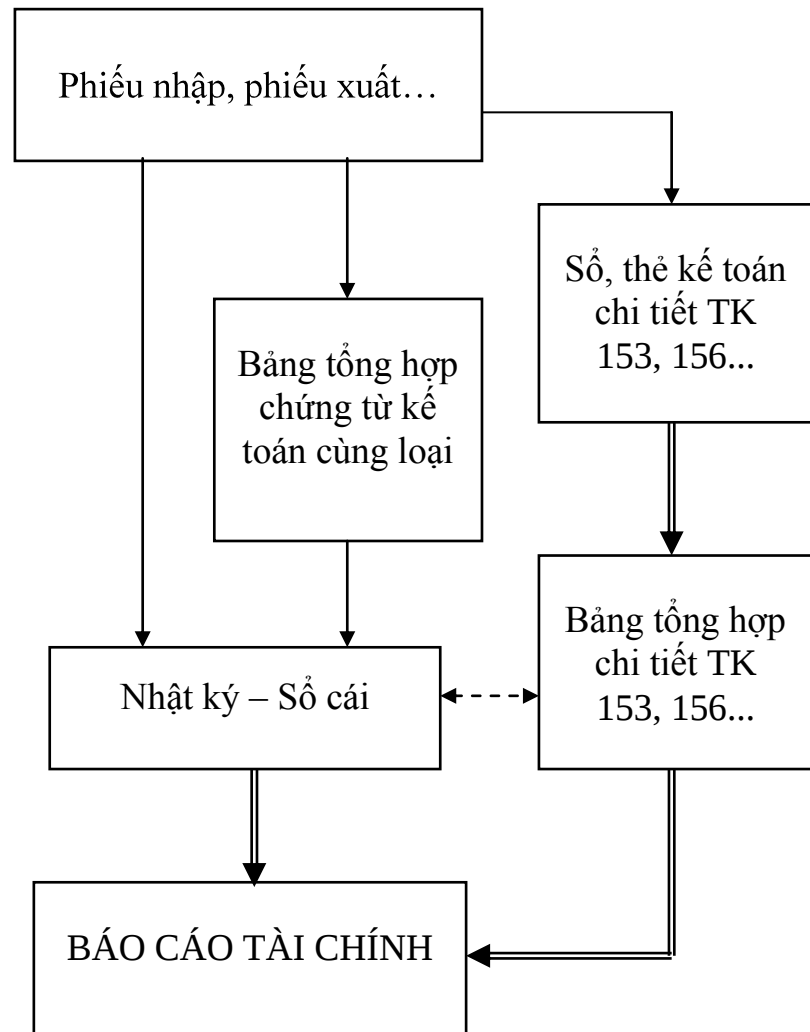
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái (sơ đồ 1.12)

**Sơ đồ 1.12. Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho
theo hình thức kế toán nhật ký – sổ cái**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

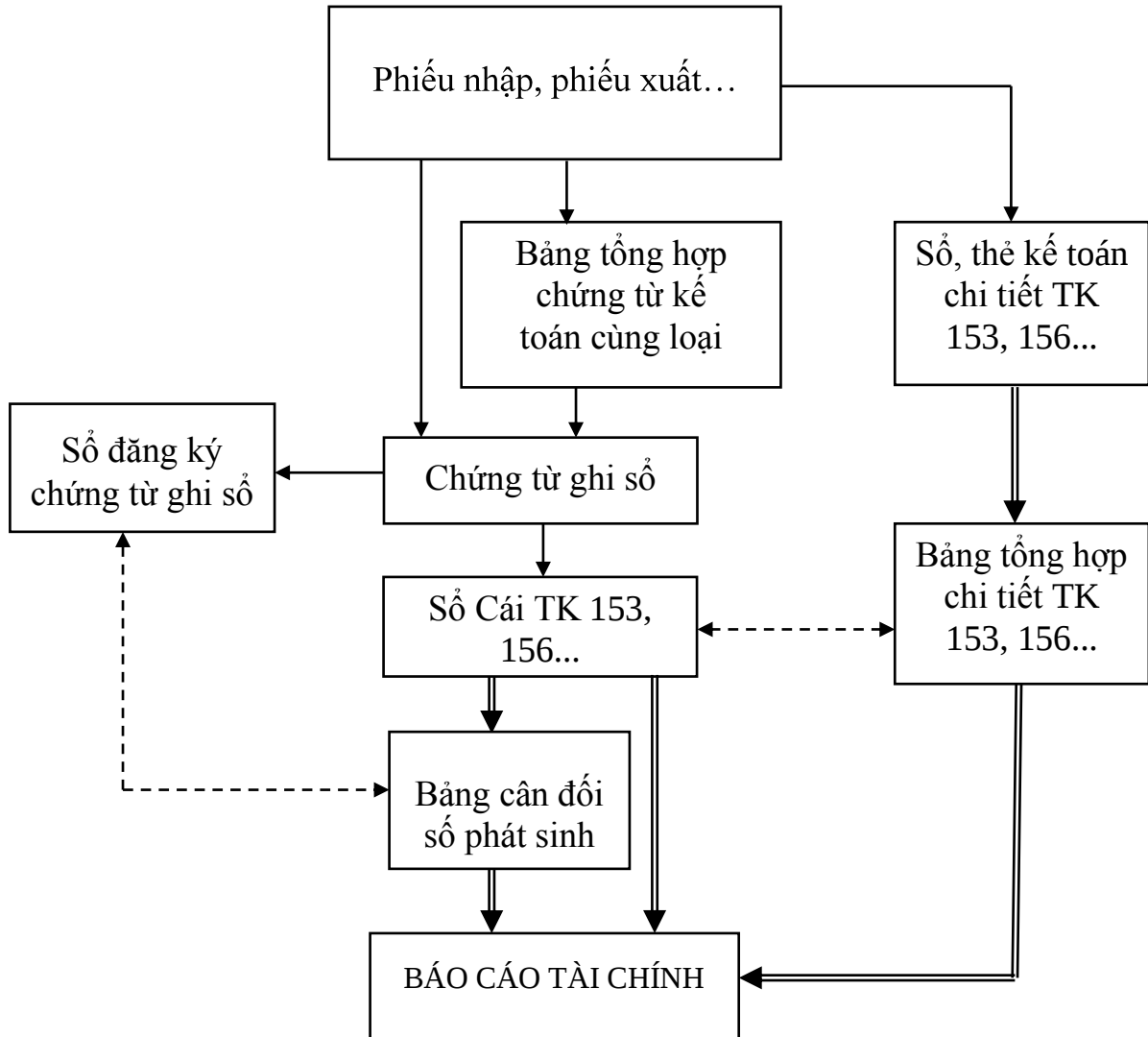
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ (sơ đồ 1.13)

**Sơ đồ 1.13. Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho
theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ (NKCT):

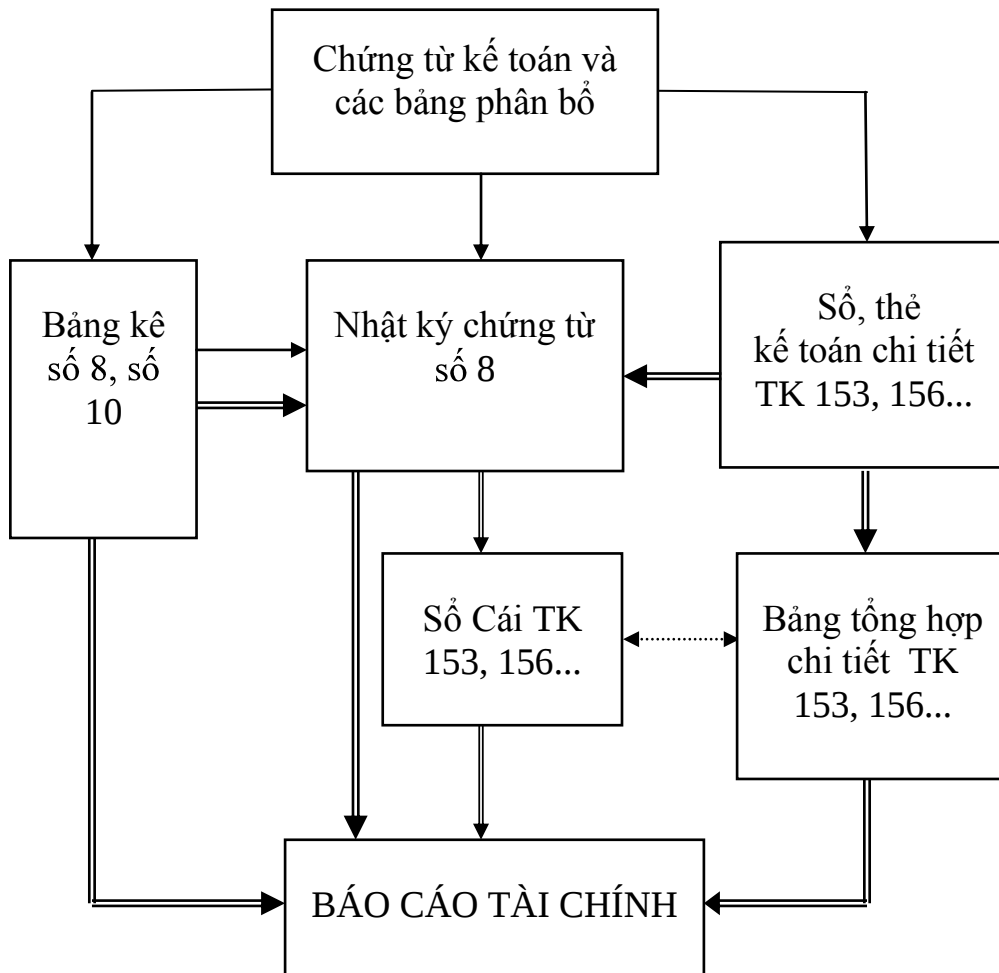
- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ Cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ (sơ đồ 1.14)

**Sơ đồ 1.14. Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho
theo hình thức kế toán nhật ký – chứng từ**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

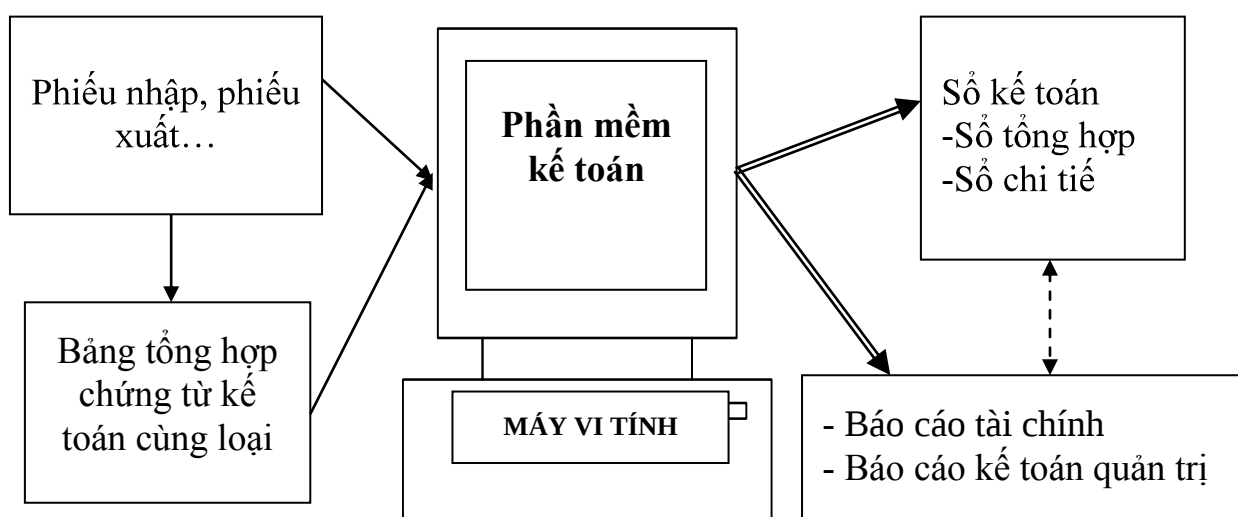
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán máy: Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán: Hình thức kế toán Nhật ký chung, nhật ký sổ cái, chứng từ ghi sổ, Nhật ký chứng từ; hoặc kết hợp các hình thức kế toán theo quy định. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức kế toán trên máy vi tính (sơ đồ 1.15).

**Sơ đồ 1.15. Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho
theo hình thức kế toán trên máy vi tính**



Ghi chú:

- | | |
|-------------------------------------|---|
| Nhập số liệu hàng ngày | → |
| In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm | ⇒ |
| Đối chiếu, kiểm tra | ↔ |

Tóm lại, Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo giá gốc. Doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong nhiều phương pháp khác nhau để tính giá trị gốc xuất kho của hàng tồn kho. Phương pháp tính được chọn cần phải đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, và phải được áp dụng nhất quán. Việc thay đổi phương pháp tính giá trị hàng tồn kho sẽ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Kế toán hàng tồn kho cần phải mở sổ theo dõi cả chi tiết và tổng hợp. Có nhiều phương pháp kế toán, việc lựa chọn tùy thuộc vào yêu cầu quản lý và đặc điểm của doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á

2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH Thương mại Đông Á

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương mại Đông Á.

Công ty TNHH Thương mại Đông Á được thành lập vào tháng 07 năm 2005 theo giấy phép kinh doanh số 0203000005 của sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty đã đạt được những kết quả nhất định và góp một phần không nhỏ vào sự phát triển chung của toàn thành phố.

- Tên giao dịch: Công ty TNHH thương mại Đông Á.
- Tên công ty viết tiếng nước ngoài : DONG A TRADING COMPANY LIMITED.
- Tên công ty viết tắt : DONG A TRADICO.
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 51A- Lương Khánh Thiện, phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại : 0313.501268 / Fax : 0313.528859
- Mã số thuế : 0200639795 .
- Vốn điều lệ : 4.800.000.000 (bốn tỷ tám trăm triệu) đồng Việt Nam.

Công ty TNHH Thương mại Đông Á là công ty TNHH, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh. Trải qua hơn 7 năm hình thành và lớn mạnh, công ty đã và đang đạt được bước chuyển mình mang tính đột phá cả về mặt chất lượng cũng như quy mô. Công ty không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường cũng như tiềm năng sẵn có của mình.

Công ty TNHH Thương mại Đông Á được thành lập với mục tiêu sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao, công ty hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, công khai, tôn trọng, thống nhất, nhằm mục đích tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng lợi nhuận và không ngừng đóng góp cho ngân sách Nhà nước theo luật định, phát triển công ty vững mạnh trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.

Ngay từ khi mới thành lập, công ty đã lựa chọn cho mình hướng đi mang tính chiến lược lâu dài. Công ty luôn xác định kinh doanh buôn bán ô tô các loại là lĩnh vực chính.

Với những nỗ lực không ngừng để đưa công ty trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của thành phố Hải Phòng. Lãnh đạo và toàn thể công ty luôn cố gắng nỗ lực trong quá trình hoạt động kinh doanh, hoàn thành được mục tiêu của doanh nghiệp.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Thương mại Đông Á.

Lĩnh vực hoạt động của Công ty TNHH Thương mại Đông Á là kinh doanh ô tô với đủ chủng loại, mẫu mã đa dạng chất lượng phong phú.

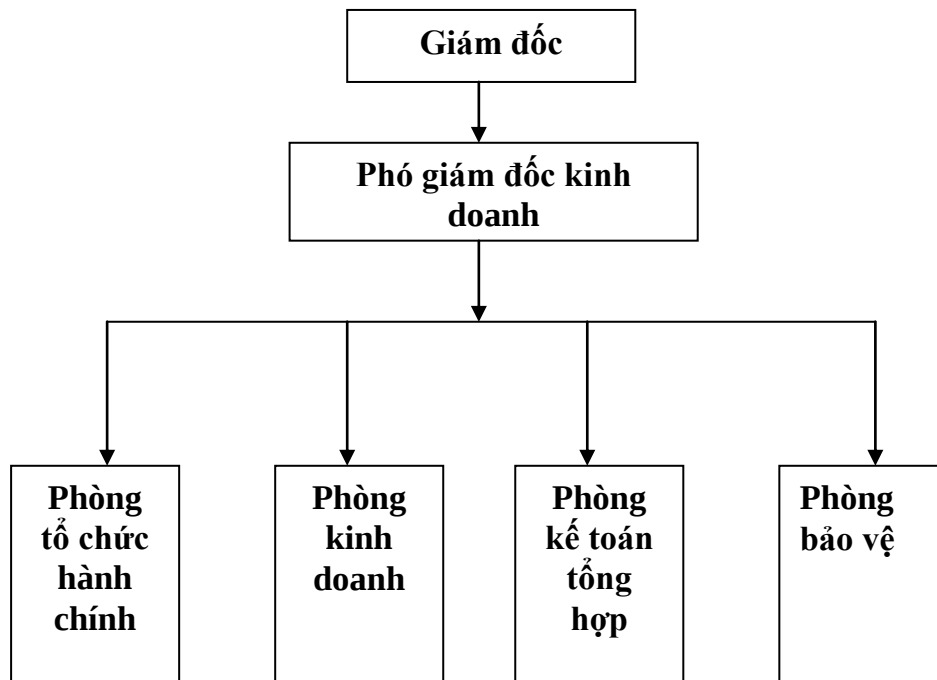
Các loại ô tô được công ty nhập khẩu chủ yếu từ thị trường Hàn Quốc. Công ty thường xuyên ký kết các hợp đồng kinh doanh với các khách hàng truyền thống ở các tỉnh phía Bắc như: Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh...

Công ty luôn coi chất lượng sản phẩm là nền tảng cho sự lớn mạnh của công ty, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, kịp thời đảm bảo chất lượng trong mọi hoàn cảnh. Chính nhờ có được chiến lược phát triển rõ ràng, mà hiện nay công ty đã xây dựng cho mình một thương hiệu có uy tín không chỉ trong địa bàn thành phố mà còn mở rộng khắp trong cả nước.

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH TM Đông Á.

Xuất phát từ thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, cũng như đảm bảo hoạt động có hiệu quả, đúng pháp luật, phát huy được vai trò của các cán bộ công nhân viên trong công ty.

Công ty tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến – chức năng theo sơ đồ sau: (Sơ đồ 2.1)



Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý của công ty TNHH Thương mại Đông Á

➤ **Giám đốc:**

Giám đốc: Là người đứng đầu bộ máy quản lý của công ty, chịu trách nhiệm trước mọi hoạt động kinh doanh trong công ty. Giám đốc ngoài uỷ quyền cho phó giám đốc còn trực tiếp chỉ huy bộ máy của công ty thông qua các trưởng phòng ban.

➤ **Phó giám đốc:**

Phó giám đốc kinh doanh: Giúp việc cho giám đốc, phụ trách phòng kinh doanh và có trách nhiệm lập kế hoạch và quản lý nguồn hàng vào và ra của công ty.

➤ **Phòng tổ chức hành chính**

Phòng tổ chức hành chính: tham mưu giúp việc cho giám đốc về tình hình tiền lương, sắp xếp công việc, chế độ khen thưởng... Tổ chức đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động một cách hợp lí. Đảm bảo cho mọi người trong công ty chấp hành nghiêm chỉnh quy chế và hợp đồng lao động.

➤ **Phòng kinh doanh:**

Đảm nhiệm các hoạt động mua, bán hàng hóa. Có chức năng tham mưu, ký kết các hợp đồng kinh tế, theo dõi các hoạt động mua bán và các hoạt động khác phát sinh trong quá trình mua bán. Do đó phòng kinh doanh có quan hệ thông tin mật thiết với phòng kế toán về mặt: nhập – xuất, doanh thu, giá vốn hàng tồn kho...

➤ **Phòng kế toán:**

Có vai trò tham mưu cho giám đốc tổ chức chỉ đạo công tác tài chính, cung cấp thông tin tài chính kịp thời để trên cơ sở đó lãnh đạo có thể điều chỉnh kế hoạch tài chính cho hợp lý.

Kế toán cùng với giám đốc tham gia thảo luận trong các vấn đề có tính chiến lược kinh tế, ký kết hợp đồng, cập nhật chế độ kế toán, tiến hành lập báo cáo tài chính.

➤ **Phòng bảo vệ**

Phòng bảo vệ: Chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản của công ty, thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy.

Qua thực tế nhận thấy, mặc dù cơ cấu bộ máy quản lý tương đối đơn giản nhưng hiệu quả làm việc tương đối cao, có khả năng đáp ứng được yêu cầu của công ty.

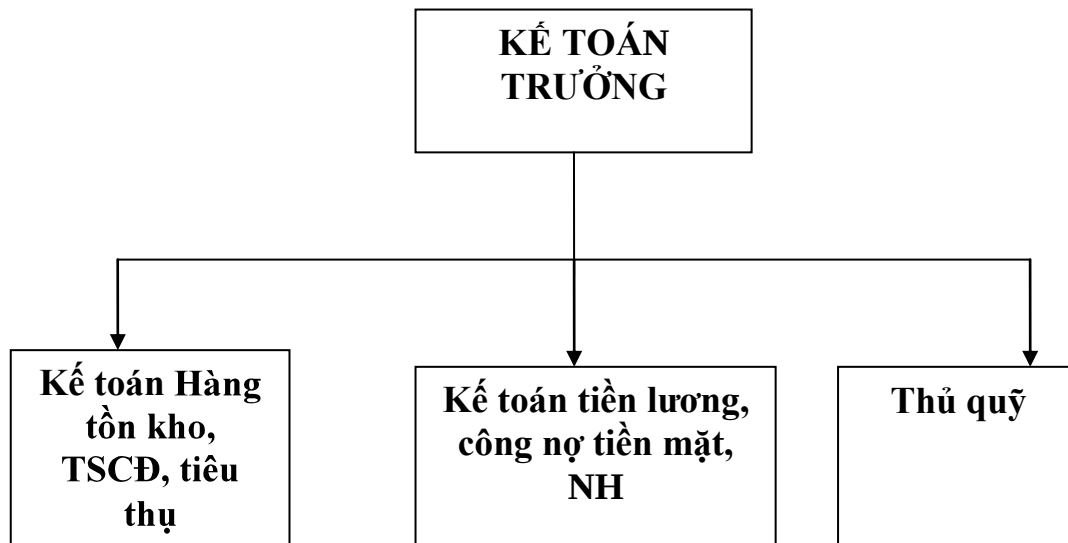
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, thực hiện toàn bộ công tác kế toán tài chính của Công ty từ xử lý chứng từ, ghi sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết đến việc lập Báo cáo tài chính.

Mỗi KTV sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

SƠ ĐỒ 2.2: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN



– **Kế toán trưởng:**

+ Kế toán trưởng là người giúp giám đốc Công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ nhân viên trong phòng phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.

+ Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của Nhà nước.

+ Kiểm soát toàn bộ các chứng từ sổ sách phát sinh liên quan đến tài chính của Công ty.

+ Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

– **Kế toán hàng tồn kho, TSCĐ, tiêu thụ:**

Chịu trách nhiệm quản lý, thống kê theo dõi số lượng hàng hóa nhập xuất. Đồng thời chịu trách nhiệm quản lý, kiểm kê theo dõi tình trạng của TSCĐ. Tính toán và phân bổ khấu hao TSCĐ vào các khoản chi phí.

– **Kế toán tiền lương, công nợ tiền mặt, ngân hàng:**

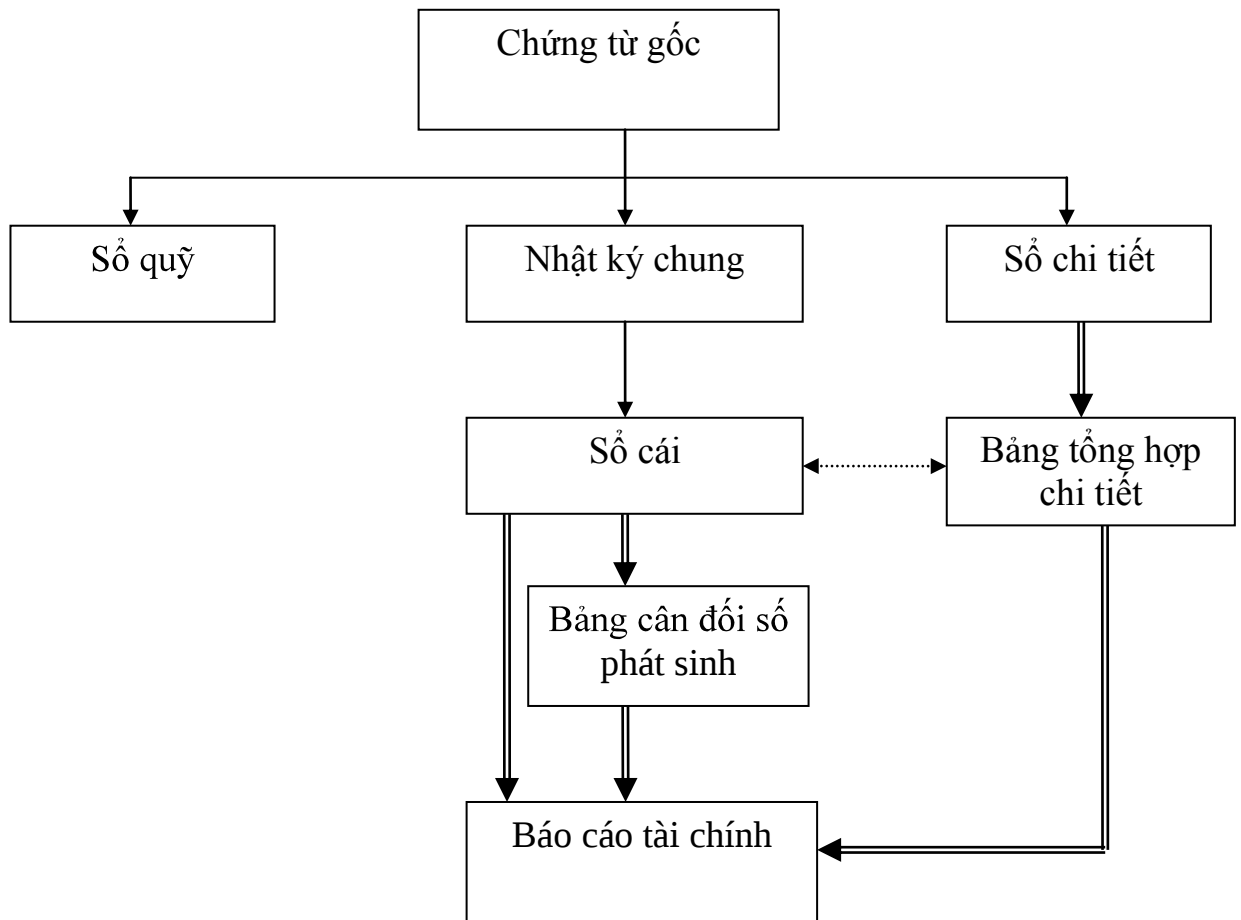
Thanh toán các khoản lương phụ cấp cho CBCNV. Đồng thời chịu trách nhiệm theo dõi công nợ của công ty, thực hiện ghi chép và đối chiếu thu chi, tồn quỹ tiền mặt. Chịu trách nhiệm liên hệ với ngân hàng mà công ty có mở tài khoản, thực hiện các nghiệp vụ liên quan tới ngân hàng.

-Thủ quỹ:

Làm nhiệm vụ bảo quản quỹ, thường xuyên kiểm tra quỹ, nhập xuất tiền theo giấy tờ hợp lệ của cơ quan (phiếu chi, phiếu xuất); Lập sổ quỹ tiền mặt, sau đó đối chiếu với sổ cái tiền mặt.

2.1.4.2 Hình thức kế toán, chính sách, chế độ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Thương mại Đông Á.

- Niên độ kế toán ở công ty TNHH TM Đông Á là một năm, ngày bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc là ngày 31/12 hàng năm.
- Công ty TNHH TM Đông Á đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng bộ Tài chính.
- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi tiền đồng tiền khác: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Việt Nam đồng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.
- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ và thời gian trích khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT – BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính – Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.
- Đối với hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.
- Công ty thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.
- Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, hiện nay công ty đang áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức “ Nhật ký chung”.



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Ghi chú:

Ghi hằng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối năm: $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung:

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, kế toán ghi các nghiệp vụ đó vào Nhật ký chung. Căn cứ số liệu ghi trên nhật ký chung, kế toán phản ánh các nghiệp vụ đó vào sổ cái các tài khoản có liên quan. Đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết tài khoản.

- Cuối năm, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết làm căn cứ lập Bảng tổng hợp chi tiết. Để đảm bảo tính chính xác số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết. Đồng thời, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Đông Á.

2.2.1. Đặc điểm và quy trình nhập - xuất hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Đông Á.

2.2.1.1. Đặc điểm hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Đông Á

Công ty TNHH Thương Mại Đông Á là công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Hàng hóa của công ty được mua về, nhập kho, sau đó xuất bán theo hợp đồng ngay tại công ty.

Hiện nay Công ty kinh doanh một loại mặt hàng là ô tô với các loại khác nhau. Để theo dõi từng loại ô tô đó, kế toán lập mã riêng cho từng loại ô tô như bảng sau:

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa
1	KMSLX	Xe ô tô 05 chỗ kia morning slx
2	KFS	Xe ô tô 05 chỗ kia forte sli
3	DLCDX	Xe ô tô 05 chỗ deawoo lacetti cdx
4	DWSE	Xe ô tô 05 chỗ deawoo lacetti se
5	KSTLX	Xe ô tô 05 chỗ kia sportage tlx
6	TY	Xe ô tô 05 chỗ toyota yaris
7	HDT	Xe ô tô 05 chỗ hyundai tucson lx

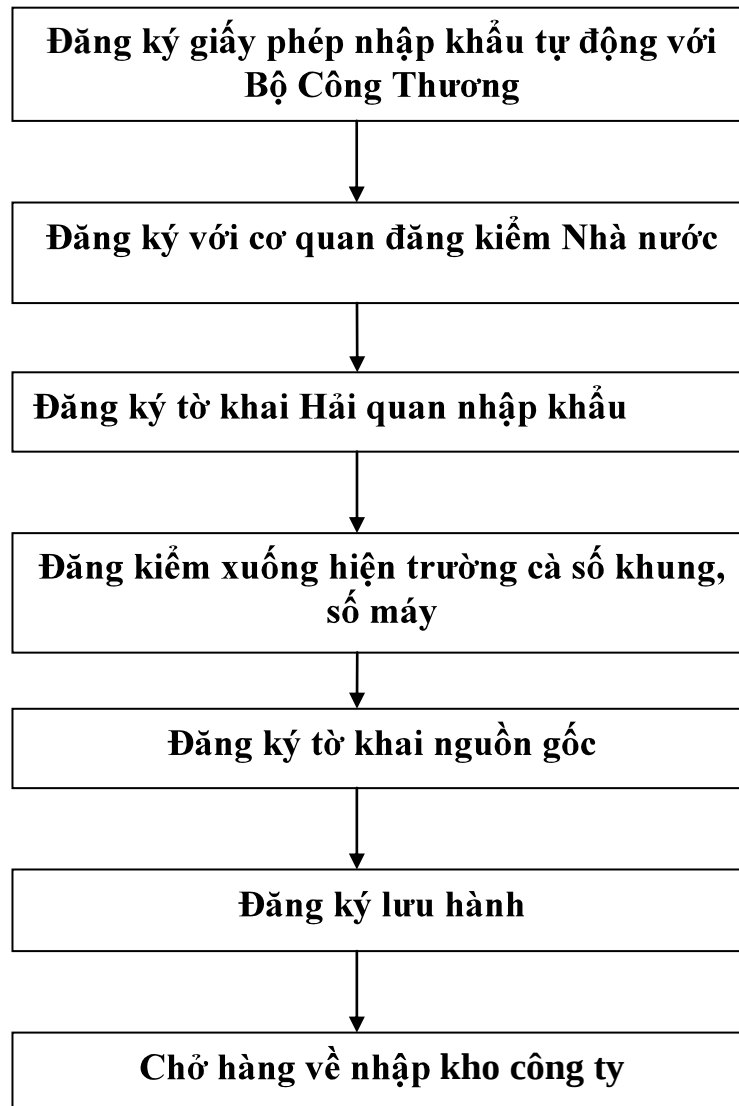
2.2.1.2 Quy trình nhập – xuất hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Đông Á.

❖ Quy trình nhập hàng:

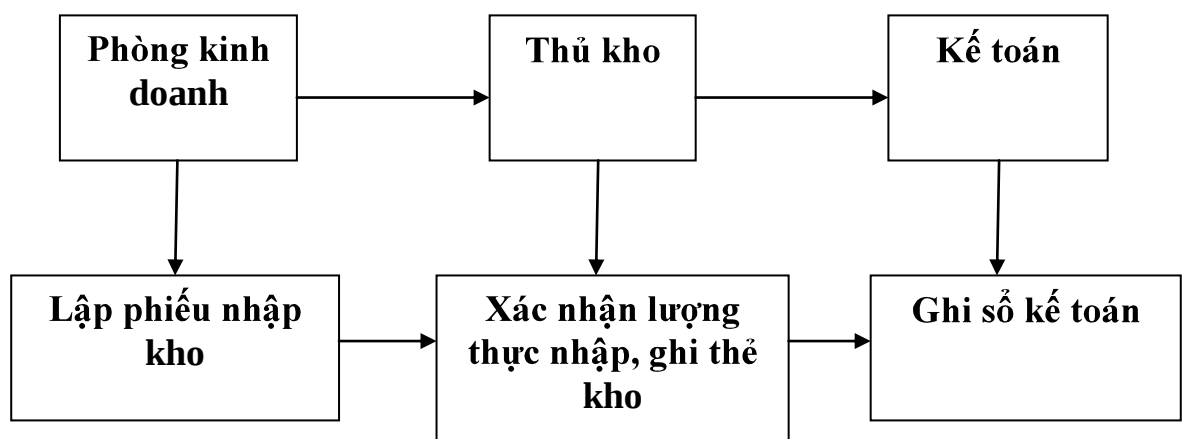
Trước hết, căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế, phó giám đốc sẽ lập kế hoạch mua hàng hóa. Khi đã tham khảo bảng báo giá hợp lý, phó giám đốc trình lên giám đốc ký xét duyệt. Sau khi giám đốc thông qua quyết định mua hàng, phó giám đốc trực tiếp ký kết hợp đồng mua bán.

Hiện nay mặt hàng ô tô của Công ty TNHH Thương mại Đông Á được nhập khẩu 100% , quy trình nhập khẩu ô tô tại Công ty như sau:

Quy trình nhập khẩu ô tô của công ty TNHH TM Đông Á:



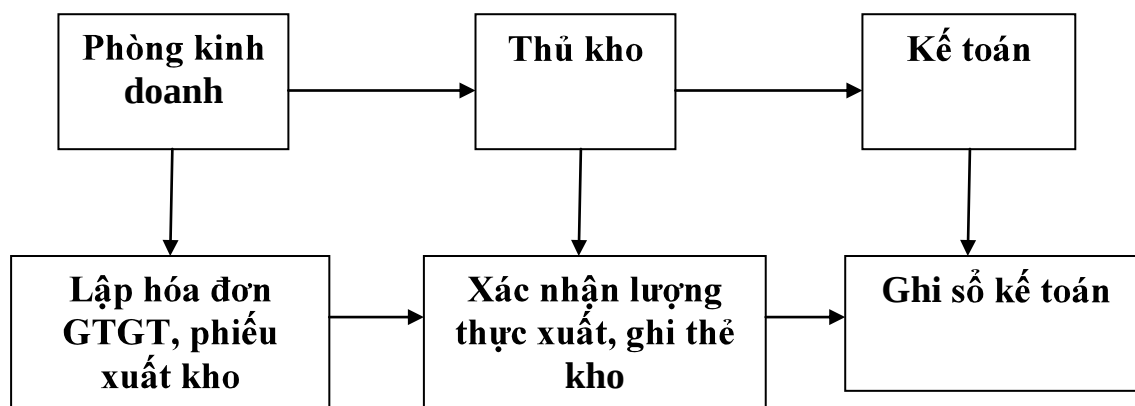
Mô hình hoạt động nhập kho tại Công ty:



❖ Quy trình bán hàng tại công ty:

- Khách hàng đến mua hàng phải có đơn đặt hàng. Phó giám đốc sẽ trực tiếp ký kết hợp đồng kinh tế với khách hàng. Sau đó hợp đồng kinh tế được chuyển tới phòng kinh doanh. Phòng kinh doanh căn cứ vào hợp đồng kinh tế tiến hành viết hóa đơn giá trị gia tăng và phiếu xuất kho cho khách hàng.

Mô hình hoạt động xuất kho tại Công ty:



2.2.2. Tính giá hàng tồn kho tại công ty TNHH Thương mại Đông Á

2.2.2.1. Tính giá nhập kho

Trị giá thực tế của hàng hóa nhập kho được Công ty xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của} \\ \text{hàng hoá} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá nhập} \\ \text{khẩu hàng} \\ \text{hóa} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thuế nhập} \\ \text{khẩu, thuế} \\ \text{TTĐB} \end{array}$$

❖ Ví dụ:

Trong tháng 1, Công ty nhập khẩu 02 chiếc xe kia morning từ Hàn Quốc.

Ngày 9/1/2011, Công ty hoàn thành thủ tục hải quan và đưa hàng về nhập kho.

Theo tờ khai hải quan số 4515, giá nhập khẩu là 165.704.000. Thuế nhập khẩu 82% là 135.877.280, thuế TTĐB 45% là 135.711.576, thuế GTGT 10% là 43.729.286.

Kế toán tính trị giá hàng hóa nhập kho như sau:

$$\begin{aligned} \text{Trị giá hàng hóa nhập kho} &= \text{giá nhập khẩu} + \text{thuế nhập khẩu} + \text{thuế TTĐB} \\ &= 165.704.000 + 135.877.280 + 135.711.576 \\ &= 437.292.856 \text{ đồng} \end{aligned}$$

2.2.2.2. Tính giá xuất kho

Công ty tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

❖ Công thức:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng hoá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Trị giá thực tế của hàng xuất kho} & = & \text{Số lượng thực tế của hàng xuất kho} \times \text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} \end{array}$$

❖ Ví dụ:

Tình hình tồn kho, nhập, xuất xe kia morning trong tháng 1 tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á như sau:

I. Tồn đầu tháng 1/2011: Số lượng: 13 chiếc

Đơn giá: 194.801.376 đ/ chiếc

II. Tăng, giảm trong tháng 1/2011:

Ngày 4/1: Xuất 02 chiếc

Ngày 5/1: Xuất 01 chiếc

Ngày 9/1: Nhập 02 chiếc, đơn giá 218.646.428 đ/ chiếc

Ngày 10/1: Xuất 03 chiếc

Ngày 14/1: Xuất 01 chiếc

Ngày 24/1: Xuất 01 chiếc

Ngày 27/1: Xuất 02 chiếc

Ngày 29/1: Xuất 01 chiếc.

Áp dụng phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập, kế toán tính trị giá thực tế hàng xuất kho như sau:

Trị giá thực tế hàng xuất kho ngày 4/1: $02 \times 194.801.376 = 389.602.752$ (đ)

Trị giá thực tế hàng xuất kho ngày 5/1: $01 \times 194.801.376 = 194.801.376$ (đ)

Giá đơn vị bình quân sau lần nhập ngày 9/1:

$$10 \times 194.801.376 + 2 \times 218.646.428$$

$$\text{Giá đơn vị} = \frac{\quad}{10 + 2} = 198.775.551 \text{ (đ)}$$

Trị giá thực tế xuất kho:

- Ngày 10/1: $03 \times 198.775.551 = 596.326.654$ (đ)
- Ngày 14/1: $01 \times 198.775.551 = 198.775.551$ (đ)
- Ngày 24/1: $01 \times 198.775.551 = 198.775.551$ (đ)
- Ngày 27/1: $02 \times 198.775.551 = 397.551.102$ (đ)
- Ngày 29/1: $01 \times 198.775.551 = 198.775.551$ (đ)

2.2.3 Phương pháp kế toán chi tiết hàng tồn kho:

Tại công ty TNHH Thương mại Đông Á, kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song:

- Tại kho: thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập, xuất để ghi số lượng hàng hóa vào thẻ kho và cuối ngày tính ra số tồn kho của từng loại hàng hóa trên thẻ kho.

- Tại phòng kế toán : kế toán hàng tồn kho sử dụng sổ chi tiết hàng hóa để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho của từng loại hàng hóa về mặt số lượng lẫn giá trị.

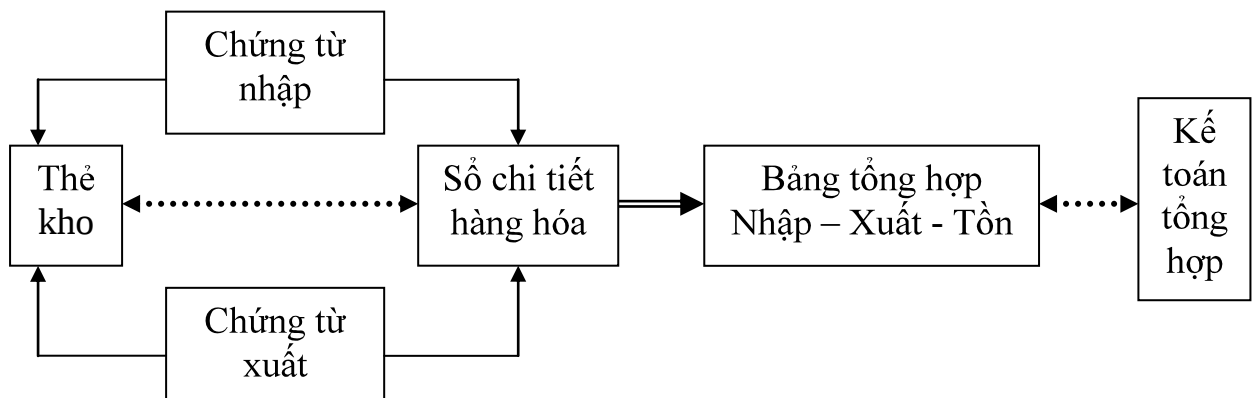
+ Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập xuất hàng hóa thủ kho chuyển lên, kế toán phải tiến hành kiểm tra, ghi giá và phản ánh vào sổ chi tiết. Cuối năm căn cứ vào sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn hàng hóa.

+ Cuối năm kế toán đối chiếu:

- Sổ kế toán chi tiết với thẻ kho của thủ kho. Số tồn trên các sổ chi tiết phải khớp đúng với số tồn trên thẻ kho.
- Số liệu dòng tổng cộng trên bảng nhập – xuất – tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.

Trong trường hợp có chênh lệch thì phải kiểm tra xác minh và tiến hành điều chỉnh, lập phiếu nhập – xuất,... theo chế độ quy định.

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song tại công ty TNHH Thương mại Đông Á



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$

Ghi cuối năm: $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

Ví dụ 1:

Trong tháng 1, Công ty nhập khẩu 02 chiếc xe kia morning từ Hàn Quốc.

Ngày 9/1/2011, Công ty hoàn thành thủ tục hải quan và đưa hàng về nhập kho. Theo tờ khai hải quan số 4515, giá nhập khẩu là 165.704.000. Thuế nhập khẩu 82% là 135.877.280, thuế TTĐB 45% là 135.711.576, thuế GTGT 10% là 43.729.286.

- Tại kho: Thủ kho sau khi nhận được phiếu nhập kho số 01 sẽ tiến hành nhập kho hàng hóa và ghi số lượng hàng hóa thực nhập vào phiếu nhập kho số 01. Đồng thời căn cứ vào phiếu nhập kho số 01 thủ kho ghi thẻ kho.

- Tại phòng kế toán : Trên cơ sở phiếu nhập kho số 01 do thủ kho chuyển lên, kế toán tiến hành kiểm tra, ghi giá vào phiếu nhập kho số 01 và phản ánh vào sổ chi tiết TK 156. Cuối năm căn cứ vào sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn hàng hóa.

Ví dụ 2:

Trong tháng 1, Công ty nhập khẩu 05 chiếc xe DAEWOO LACETTI CDX từ Hàn Quốc.

Ngày 21/1/2011, Công ty hoàn thành thủ tục hải quan và đưa hàng về nhập kho. Theo tờ khai hải quan số 5678, giá nhập khẩu là 723.555.000. Thuế nhập khẩu 82% là 593.315.100, thuế TTĐB 45% là 592.591.545, thuế GTGT 10% là 190.946.165.

- Tại kho: Thủ kho sau khi nhận được phiếu nhập kho số 02 sẽ tiến hành nhập kho hàng hóa và ghi số lượng hàng hóa thực nhập vào phiếu nhập kho số 02. Đồng thời căn cứ vào phiếu nhập kho số 02 thủ kho ghi thẻ kho.

- Tại phòng kế toán : Trên cơ sở phiếu nhập kho số 02 do thủ kho chuyển lên, kế toán tiến hành kiểm tra, ghi giá vào phiếu nhập kho số 02 và phản ánh vào sổ chi tiết TK 156. Cuối năm căn cứ vào sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn hàng hóa.

Ví dụ 3:

Ngày 5/1/2011 xuất kho xe DAEWOO LACETTI CDX bán cho Đào Mạnh Hùng . Giá xuất kho là 279.090.909 đồng. Tổng giá thanh toán là 309.000.000 đồng (Thuế suất thuế GTGT 10%). Khách hàng chưa thanh toán.

- Tại kho: thủ kho sau khi nhận được phiếu xuất kho số 04 sẽ tiến hành xuất kho hàng hóa theo đúng số lượng yêu cầu ghi trong phiếu xuất số 04 rồi ghi số thực xuất vào phiếu xuất kho số 04 và cùng người nhận hàng hoá ký tên vào phiếu xuất kho. Đồng thời, thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho số 04 ghi vào thẻ kho.

- Tại phòng kế toán : Trên cơ sở phiếu xuất kho số 04 do thủ kho chuyển lên, kế toán tiến hành kiểm tra, ghi giá vào phiếu xuất kho số 04 và phản ánh vào sổ chi tiết TK 156. Cuối năm căn cứ vào sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn hàng hóa.

Ví dụ 4:

Ngày 29/1/2011 xuất kho xe kia morning bán cho Phạm Minh Trường. Giá xuất kho là 198.775.551 đồng. Tổng giá thanh toán là 221.000.000 đồng (Thuế suất thuế GTGT 10%). Khách hàng chưa thanh toán.

- Tại kho: thủ kho sau khi nhận được phiếu xuất kho số 19 sẽ tiến hành xuất kho hàng hóa theo đúng số lượng yêu cầu ghi trong phiếu xuất rồi ghi số thực xuất vào phiếu xuất kho số 19 và cùng người nhận hàng hoá ký tên vào phiếu xuất kho. Đồng thời, thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho số 19 ghi vào thẻ kho.

- Tại phòng kế toán : Trên cơ sở phiếu xuất kho số 19 do thủ kho chuyển lên, kế toán tiến hành kiểm tra, ghi giá vào phiếu xuất kho và phản ánh vào sổ chi tiết TK 156. Cuối năm căn cứ vào sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn hàng hóa.

CTY TNHH TM ĐÔNG Á
51A Lương Khánh Thiện - HP

Mẫu số 01 - VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 09 tháng 01 năm 2011

Số: 01/01

Nợ TK 156
Có TK 112,3333,3332

Họ tên người giao hàng: Ngô Ngọc Bằng Xuân.

Theo Tờ khai Hải quan số 4515 ngày 09 tháng 01 năm 2011

Nhập tại kho: Kho công ty Địa điểm: 51A Lương Khánh Thiện

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xe ô tô con loại 05 chỗ, hiệu kia morning slx, sx 2009	KMSLX	chiếc	02	02	218.646.428	437.292.856
	Cộng						437.292.856

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bốn trăm ba bảy triệu hai trăm chín mươi hai nghìn tám trăm năm sáu đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 09 tháng 1 năm 2011

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CTY TNHH TM ĐÔNG Á
51A Lương Khánh Thiện - HP

Mẫu số 01 - VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 21 tháng 01 năm 2011

Số: 02/01

Nợ TK 156
Có TK 112,3333,3332

Họ tên người giao hàng: Ngô Ngọc Bằng Xuân.

Theo Tờ khai Hải quan số 5678 ngày 21 tháng 01 năm 2011

Nhập tại kho: Kho công ty Địa điểm: 51A Lương Khánh Thiện

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xe ô tô du lịch 05 chỗ mới 100%, hiệu DAEWOO LACETTI CDX 1.8, DT 1.8L, Modell 2010	DLCDX	chiếc	05	05	381.892.329	1.909.461.645
	Cộng						1.909.461.645

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một tỷ chín trăm linh chín triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn trăm đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 21 tháng 1 năm 2011

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CTY TNHH TM ĐÔNG Á
51A Lương Khánh Thiện - HP

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 01 năm 2011

Số: 04/01

Nợ TK 632

Có TK 156

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Anh Tuấn.

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do xuất kho: Xuất bán

Xuất tại kho: Kho công ty

Địa điểm: 51A Lương Khánh Thiện

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xe ô tô du lịch 05 chỗ mới 100%, hiệu DAEWOO LACETTI CDX	DLCDX	chiếc	01	01	279.090.909	279.090.909
	Cộng						279.090.909

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Hai trăm bảy chín triệu không trăm chín mươi nghìn chín trăm linh chín đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 05 tháng 1 năm 2011

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CTY TNHH TM ĐÔNG Á
51A Lương Khánh Thiện - HP

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 29 tháng 01 năm 2011

Số: 19/01

Nợ TK 632

Có TK 156

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Anh Tuấn.

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do xuất kho: Xuất bán

Xuất tại kho: Kho công ty

Địa điểm: 51A Lương Khánh Thiện

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xe ô tô con loại 05 chỗ, hiệu kia morning slx	KMSLX	chiếc	01	01	198.775.551	198.775.551
	Cộng						198.775.551

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một trăm chín tám triệu bảy trăm bảy mươi năm nghìn năm trăm năm một đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 29 tháng 1 năm 2011

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CTY TNHH TM ĐÔNG Á
51A Lương Khánh Thiện - HP

Mẫu số S12 - DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Xe kia morning slx

Đơn vị tính: chiếc

Mã số: KMSLX

Stt	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Kí xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu kì				13	
1	04/01		PX01/01	Xuất bán xe KMSLX cho Lê Thị Thu Hà	04/01		01	12	
2	04/01		PX02/01	Xuất bán xe KMSLX cho Trần Lan Hương	04/01		01	11	
3	05/01		PX03/01	Xuất bán xe KMSLX cho cty Vạn Lộc	05/01		01	10	
4	09/01	PN01/01		Nhập kho xe KMSLX	09/01	02		12	
...			...					...	
22	29/01		PX19/01	Xuất bán xe KMSLX cho Phạm Minh Trường	29/01		01	04	
...	...								
				Cộng SPS		48	56	X	
				Tồn cuối kì				05	

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...
- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CTY TNHH TM ĐÔNG Á
51A Lương Khánh Thiện - HP

Mẫu số S12 - DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Xe DAEWOO LACETTI CDX

Đơn vị tính: chiếc

Mã số: DLCDX

Stt	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Kí xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu kì				<u>01</u>	
1	05/01		PX04/01	Xuất bán xe DLCDX cho Đào Mạnh Hùng	05/01		01	-	
2	21/01	PN02/01		Nhập kho xe DLCDX	21/01	05		05	
3	24/01		PX16/01	Xuất bán xe DLCDX cho Bùi Ngọc Anh	24/01		01	04	
...	...								
				Cộng SPS		28	26	X	
				Tồn cuối kì				<u>03</u>	

- Sổ này có... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...
- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH TM Đông Á
51A Lương Khánh Thiện-HP

Mẫu số S10-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA
Năm 2011
Tên hàng hóa: Xe kia morning slx
Tài khoản: 156

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3 = 1x2	4	5 = 1x4	6	7=1x6
		Số dư đầu năm		194.801.376					13	2.532.417.889
		Số phát sinh								
PX01/01	04/01	Xuất bán xe KMSLX cho Lê Thị Thu Hà	632	194.801.376			01	194.801.376	12	2.337.616.513
PX02/01	04/01	Xuất bán xe KMSLX cho Trần Lan Hương	632	194.801.376			01	194.801.376	11	2.142.815.137
PX03/01	05/01	Xuất bán xe KMSLX cho cty Vạn Lộc	632	194.801.376			01	194.801.376	10	1.948.013.761
PN01/01	09/01	Nhập kho xe KMSLX	112	218.646.428	02	437.292.856			12	2.385.306.617
			3333							
			3332							
										
PX19/01	29/01	Xuất bán xe KMSLX cho Phạm Minh Trường	632	198.775.551			01	198.775.551	04	795.102.209
										
		Cộng SPS	x	x	48	10.495.028.540	56	11.959.622.956	x	x
		Số dư cuối năm							05	1.067.823.473

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Công ty TNHH TM Đông Á
51A Lương Khánh Thiện-HP

Mẫu số S10-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA
Năm 2011
Tên hàng hóa: Xe DAEWOO LACETTI CDX
Tài khoản: 156

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3 = 1x2	4	5 = 1x4	6	7=1x6
		Số dư đầu năm		279.090.909					01	279.090.909
		Số phát sinh								
PX04/01	05/01	Xuất bán xe DLCDX cho Đào Mạnh Hùng	632	279.090.909			01	279.090.909	-	-
PN02/01	21/01	Nhập kho xe DLCDX	112 3333 3332	381.892.329	05	1.909.461.645			05	1.909.461.645
PX16/01	24/01	Xuất bán xe DLCDX cho Bùi Ngọc Anh	632	381.892.329			01	381.892.329	04	1.527.569.316
										
		Cộng SPS	x	x	28	16.568.874.195	26	15.779.880.340	x	x
		Số dư cuối năm							03	1.068.084.764

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Công ty TNHH TM Đông Á
51A Lương Khánh Thiện-HP

Mẫu số S11-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP_XUẤT_TỒN HÀNG HÓA
Năm 2011

ĐVT: VNĐ

stt	Mã hàng	Tên hàng	Dư đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			SL	Th.Tiền	SL	Th.Tiền	SL	Th.Tiền	SL	Th.Tiền
1	KMSLX	Xe kia morning slx	13	2.532.417.889	48	10.495.028.540	56	11.959.622.956	05	1.067.823.473
2	KFS	Xe kia forte sli	01	340.133.936	32	14.084.285.950	28	12.238.901.720	05	2.185.518.166
3	DLCDX	Xe deawoo lacetti cdx	01	279.090.909	28	16.568.874.195	26	15.779.880.340	03	1.068.084.764
4	DWSE	Xe deawoo lacetti se	06	1.547.464.241	17	6.084.473.995	20	6.636.468.031	03	995.470.205
5	KSTLX	Xe kia sportage tlx	01	419.175.235	25	12.979.380.880	20	9.983.504.735	06	3.415.051.380
6	TY	Xe toyota yaris	01	373.841.380	47	17.824.859.580	44	16.689.381.582	04	1.509.319.378
7	HDT	Xe hyundai tucson lx	01	441.818.182	15	7.512.272.730	14	6.997.454.548	02	956.636.364
Cộng			x	5.933.941.772	x	85.549.175.870	x	80.285.213.912	x	11.197.903.730

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

2.2.4. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho tại công ty TNHH Thương mại Đông Á**2.2.4.1. Tài khoản sử dụng:**

Đề hạch toán hàng tồn kho công ty sử dụng tài khoản:

- TK 156: Hàng hóa.
- Các tài khoản khác có liên quan:
 - TK 1331: Thuế GTGT được khấu trừ
 - TK 112: Tiền gửi ngân hàng
 - TK 331: Phải trả người bán
 - TK 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt
 - TK 3333: Thuế xuất, nhập khẩu
 - TK 632: Giá vốn hàng bán

2.2.4.2 Chứng từ kế toán sử dụng

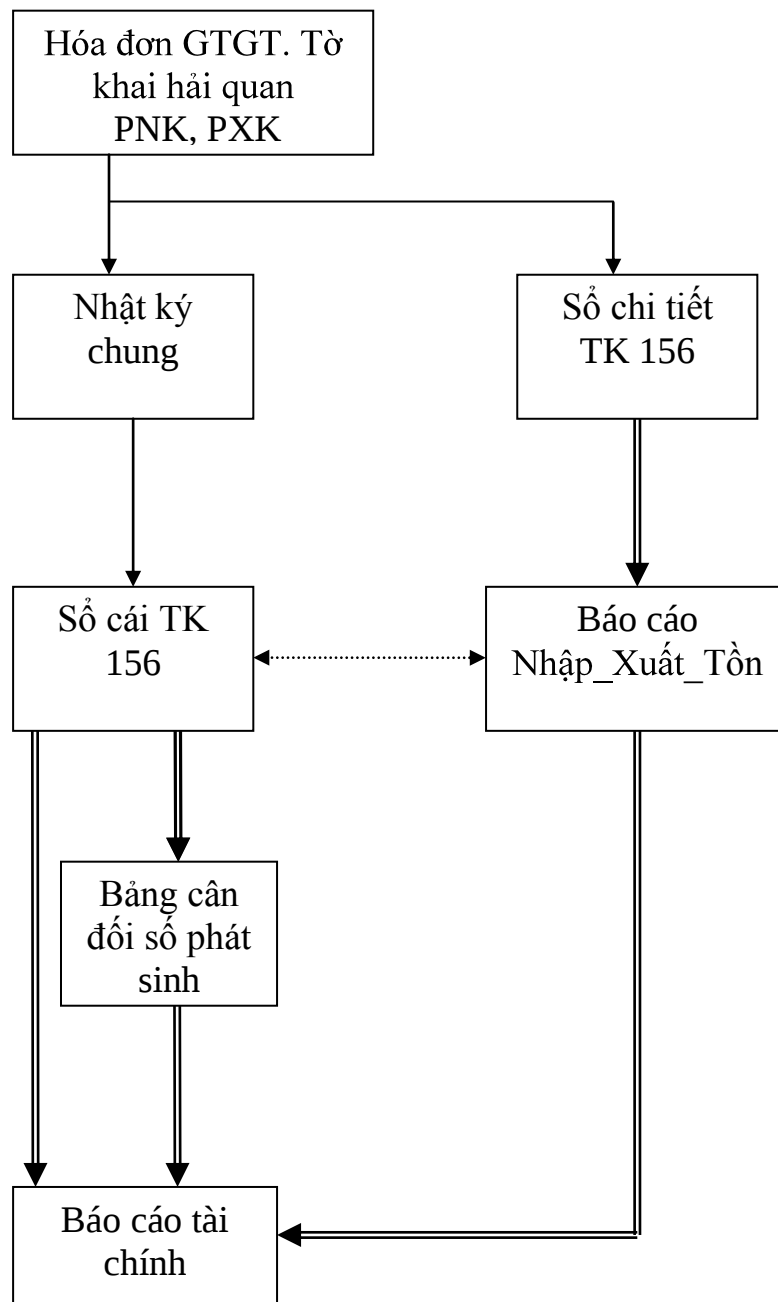
Các chứng từ kế toán bao gồm:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Tờ khai hải quan điện tử nhập khẩu
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

2.2.4.3. Phương pháp hạch toán.

Quy trình hạch toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á được mô tả như sau (sơ đồ 2.5):

- Hàng ngày, căn cứ vào Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu, Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho kế toán phản ánh các nghiệp vụ vào Nhật ký chung. Dựa vào số liệu trên nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 156.
- Đồng thời, từ chứng từ gốc kế toán phản ánh nghiệp vụ vào sổ chi tiết hàng hóa.
- Cuối năm, kế toán căn cứ vào sổ chi tiết hàng hóa lập báo cáo nhập_xuất_tồn hàng hóa.
- Sau khi thực hiện kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ cái TK 156 và báo cáo nhập_xuất_tồn đảm bảo tính hợp lý, chính xác của các con số kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh.
- Cuối năm, căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính.



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Đông Á

Ghi chú:

Ghi hằng ngày: →

Ghi cuối năm : ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <-.-.->

2.2.4.4 Một số ví dụ:**Ví dụ 1:**

Trong tháng 1, Công ty nhập khẩu 02 chiếc xe kia morning từ Hàn Quốc.

Ngày 9/1/2011, Công ty hoàn thành thủ tục hải quan và đưa hàng về nhập kho. Theo tờ khai hải quan số 4515, giá nhập khẩu là 165.704.000. Thuế nhập khẩu 82% là 135.877.280, thuế TTĐB 45% là 135.711.576, thuế GTGT 10% là 43.729.286.

- Kế toán căn cứ vào tờ khai hải quan số 4515, phiếu nhập kho số 01 ghi vào nhật ký chung, đồng thời làm căn cứ để ghi chép nghiệp vụ vào sổ chi tiết hàng hóa (sổ chi tiết xe kia morning slx).

- Từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 156.

- Cuối năm kế toán căn cứ số liệu trên sổ chi tiết hàng hóa lập báo cáo Nhập-Xuất-Tồn.

- Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp số liệu ghi trên sổ cái TK 156 và Báo cáo Nhập - Xuất -Tồn kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh và căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2:

Trong tháng 1, Công ty nhập khẩu 05 chiếc xe DAEWOO LACETTI CDX từ Hàn Quốc.

Ngày 21/1/2011, Công ty hoàn thành thủ tục hải quan và đưa hàng về nhập kho. Theo tờ khai hải quan số 5678, giá nhập khẩu là 723.555.000. Thuế nhập khẩu 82% là 593.315.100, thuế TTĐB 45% là 592.591.545, thuế GTGT 10% là 190.946.165.

- Kế toán căn cứ vào tờ khai hải quan số 5678, phiếu nhập kho số 02 ghi vào nhật ký chung, đồng thời làm căn cứ để ghi chép nghiệp vụ vào sổ chi tiết hàng hóa (sổ chi tiết xe daewoo lacetti cdx)

- Từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 156.

- Cuối năm kế toán căn cứ số liệu trên sổ chi tiết hàng hóa lập báo cáo Nhập-Xuất-Tồn.

- Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp số liệu ghi trên sổ cái TK 156 và Báo cáo Nhập - Xuất -Tồn kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh và căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 3:

Ngày 5/1/2011 xuất kho xe DAEWOO LACETTI CDX bán cho Đào Mạnh Hùng . Giá xuất kho là 279.090.909 đồng. Tổng giá thanh toán là 309.000.000 đồng (Thuế suất thuế GTGT 10%). Khách hàng chưa thanh toán.

- Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0089408, phiếu xuất kho số 04 ghi vào Nhật ký chung, đồng thời làm căn cứ để ghi chép nghiệp vụ vào sổ chi tiết hàng hóa (sổ chi tiết xe daewoo lacetti cdx).

- Từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 156.

- Cuối năm kế toán căn cứ số liệu trên sổ chi tiết hàng hóa lập báo cáo Nhập-Xuất-Tồn.

- Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp số liệu ghi trên sổ cái TK 156 và Báo cáo Nhập - Xuất -Tồn kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh và căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

V í d ụ 4:

Ngày 29/1/2011 xuất kho xe kia morning bán cho Phạm Minh Trường. Giá xuất kho là 198.775.551 đồng. Tổng giá thanh toán là 221.000.000 đồng. Thuế suất thuế GTGT 10%. Khách hàng chưa thanh toán.

- Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0089444, phiếu xuất kho số 19 ghi vào Nhật ký chung, đồng thời làm căn cứ để ghi chép nghiệp vụ vào sổ chi tiết hàng hóa (sổ chi tiết xe kia morning slx).

- Từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 156.

- Cuối năm kế toán căn cứ số liệu trên sổ chi tiết hàng hóa lập báo cáo Nhập-Xuất-Tồn.

- Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp số liệu ghi trên sổ cái TK 156 và Báo cáo Nhập - Xuất -Tồn kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh và căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

HẢI QUAN ĐIỆN TỬ

Nhập khẩu



HQ/2009-PLTKĐTNK

Chi cục Hải quan: Chi cục HQCK cảng HP			Số tham chiếu: 6738			Số tờ khai: 4515		
Chi cục Hải quan cửa khẩu:			Ngày, giờ gửi: 09/01/2011			Ngày, giờ đăng ký: 09/01/2011		
1. Người xuất khẩu: DAIN KOREA CO LTD			5. Loại hình: NKD01 Nhập Kinh Doanh					
			6. Hóa đơn thương mại DAIN-01402 Ngày: 02/01/2011		7. Giấy phép: 11009092467 Ngày: 07/01/2011		8. Hợp đồng: DAIN-DATR01402 Ngày: 02/01/2011	
2. Người nhập khẩu: CTY TNHH TM Đông Á MST: 0200639795			9. Vận tải đơn: ATOLHPHH10302146 Ngày: 02/01/2011		10. Cảng xếp hàng: INCHFON		11. Cảng dỡ hàng: Cảng Hải Phòng	
3. Người ủy thác:			12. Phương tiện vận tải: Đường biển SITC MELODY				13. Nước xuất khẩu: Korea (Republic)	
4. Đại lý làm thủ tục Hải quan:			14. Điều kiện giao hàng: CIF			15. Phương thức thanh toán: L/C		
			16. Đồng tiền thanh toán: USD			17. Tỷ giá tính thuế: 20.713		
18. Kết quả phân luồng và hướng dẫn làm thủ tục Hải quan: Kiểm tra thực tế hàng hóa DN xuất trình hồ sơ giấy theo quy định						19. Chứng từ Hải quan trước đó		
20. Tên hàng, quy cách phẩm chất			21. Mã số hàng hóa		22. Xuất xứ		23. Số lượng	
24. Đơn vị tính			25. Đơn giá nguyên tệ		26. Trị giá nguyên tệ			
Xe ô tô du lịch 05 chỗ mới 100% hiệu kia morning SX 2009			8703219090		Korea		2	
					Chiếc		4000	
							8000	
							Cộng 8000	
27. Thuế nhập khẩu			28. Thuế GTGT (hoặc TTĐB)			29. Thu khác		
Trị giá tính thuế	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Trị giá tính thuế	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền	
165.704.000	82	135.877.280	437.292.856	10	43.729.286			
			301.581.280	45	135.711.576			
Cộng		135.877.280	Cộng		179.440.862			
30. Tổng số tiền thuế và thu khác Bảng số: 315.318.142 VNĐ Bảng chữ: Ba trăm mười năm triệu ba trăm mười tám nghìn một trăm bốn mươi hai đồng.								
31. Tổng trọng lượng: 2200kg Tổng số container: Cont40 Tổng số kiện: 2 Số hiệu kiện, cont: Container STXU430288070713								
32. Ghi chép khác:								
33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai này. Ngày 9 tháng 1 năm 2011 (Người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)			34. Xác nhận hàng đã qua khu vực giám sát		35. Xác nhận giải phóng hàng/ đưa hàng về bảo quản/ chuyển cửa khẩu		36. Xác nhận thông quan	

CTY TNHH TM ĐÔNG Á
51A Lương Khánh Thiện - HP

Mẫu số 01 - VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 09 tháng 01 năm 2011

Số: 01/01

Nợ TK 156
Có TK 112,3333,3332

Họ tên người giao hàng: Ngô Ngọc Bằng Xuân.

Theo Tờ khai Hải quan số 4515 ngày 09 tháng 01 năm 2011

Nhập tại kho: Kho công ty Địa điểm: 51A Lương Khánh Thiện

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xe ô tô con loại 05 chỗ, hiệu kia morning slx, sx 2009	KMSLX	chiếc	02	02	218.646.428	437.292.856
	Cộng						437.292.856

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bốn trăm ba bảy triệu hai trăm chín mươi hai nghìn tám trăm năm sáu đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 09 tháng 1 năm 2011

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)



HẢI QUAN ĐIỆN TỬ

Nhập khẩu

HQ/2009-PLTKĐT/NK

Chi cục Hải quan: Chi cục HQCK cảng HP		Số tham chiếu: 9735		Số tờ khai: 5678	
Chi cục Hải quan cửa khẩu:		Ngày, giờ gửi: 21/01/2011		Ngày, giờ đăng ký: 21/01/2011	
1. Người xuất khẩu: DAIN KOREA CO LTD		5. Loại hình: NKD01 Nhập Kinh Doanh			
		6. Hóa đơn thương mại CU-DA0308 Ngày: 08/01/2011		7. Giấy phép: 11005909410 Ngày: 21/01/2011	
				8. Hợp đồng: CU-DA-000308 Ngày: 04/01/2011	
2. Người nhập khẩu: CTY TNHH TM Đông Á MST: 0200639795		9. Vận tải đơn: ATOLPHHH103068 Ngày: 08/01/2011		10. Cảng xếp hàng: INCHFON	
				11. Cảng dỡ hàng: Cảng Hải Phòng	
3. Người ủy thác:		12. Phương tiện vận tải: Đường biển WARNOW TROUT			13. Nước xuất khẩu: Korea (Republic)
4. Đại lý làm thủ tục Hải quan:		14. Điều kiện giao hàng: CIF		15. Phương thức thanh toán: L/C	
		16. Đồng tiền thanh toán: USD		17. Tỷ giá tính thuế: 20.673	
18. Kết quả phân luồng và hướng dẫn làm thủ tục Hải quan: Kiểm tra thực tế hàng hóa DN xuất trình hồ sơ giấy theo quy định				19. Chứng từ Hải quan trước đó	
20. Tên hàng, quy cách phẩm chất	21. Mã số hàng hóa	22. Xuất xứ	23. Số lượng	24. Đơn vị tính	25. Đơn giá nguyên tệ
Xe ô tô du lịch 05 chỗ mới 100% hiệu dawoo lacetti premiere cdx 1.8, DT1.8L, modell 2010	8703235100	Korea	5	Chiếc	7000
Cộng					35000
27. Thuế nhập khẩu		28. Thuế GTGT (hoặc TTĐB)			29. Thu khác
Trị giá tính thuế	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Trị giá tính thuế	Thuế suất (%)	Tiền thuế
723.555.000	82	593.315.100	1.909.461.645	10	190.946.165
			1.316.870.100	45	592.591.545
Cộng			Cộng		783.537.710
30. Tổng số tiền thuế và thu khác Bảng số: 783.537.710 VNĐ Bảng chữ: Bảy trăm tám ba triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm mười đồng chẵn.					
31. Tổng trọng lượng: 10878kg Tổng số container: Cont40 Tổng số kiện: 5 Số hiệu kiện, cont: Container BMOU2546836688					
32. Ghi chép khác:					
33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai này. Ngày 9 tháng 1 năm 2011 (Người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)		34. Xác nhận hàng đã qua khu vực giám sát		35. Xác nhận giải phóng hàng/ đưa hàng về bảo quản/ chuyển cửa khẩu	
				36. Xác nhận thông quan	

CTY TNHH TM ĐÔNG Á
51A Lương Khánh Thiện - HP

Mẫu số 01 - VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 21 tháng 01 năm 2011

Số: 02/01

Nợ TK 156
Có TK 112,3333,3332

Họ tên người giao hàng: Ngô Ngọc Bằng Xuân.

Theo Tờ khai Hải quan số 5678 ngày 21 tháng 01 năm 2011

Nhập tại kho: Kho công ty Địa điểm: 51A Lương Khánh Thiện

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xe ô tô du lịch 05 chỗ mới 100%, hiệu DAEWOO LACETTI CDX 1.8, DT 1.8L, Modell 2010	DLCDX	chiếc	05	05	381.892.329	1.909.461.645
	Cộng						1.909.461.645

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một tỷ chín trăm linh chín triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn lăm đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 21 tháng 1 năm 2011

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT3/001

AA/11P

Liên 3: Nội bộ

0089408

Ngày 05 tháng 1 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Đông Á

Địa chỉ: 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - HP

Số tài khoản:

Điện thoại.....MST.....0200639795.....

Họ tên người mua hàng: Đào Mạnh Hùng

Tên đơn vị:

Địa chỉ: Đại Đình - Ngọc Kỳ – Tứ Kỳ – Hải Phòng

Số tài khoản: 3.150.002-12

Hình thức thanh toán: CK.....MST.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Xe ô tô con loại 05 chỗ, hiệu dawoo lacetti premiere cdx Nước sản xuất: Hàn Quốc Năm sx: 2010 Màu Đen, mới 100% SK: KLAJA69EDBK055374 SM:F16D4219369KA Tờ khai Nk 20468 (10/12/2010)	Chiếc	01	280.909.091	280.909.091
Cộng tiền hàng					280.909.091
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			28.090.909
Tổng cộng tiền thanh toán:					309.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm linh chín triệu đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

CTY TNHH TM ĐÔNG Á
51A Lương Khánh Thiện - HP

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 01 năm 2011

Số: 04/01

Nợ TK 632
Có TK 156

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Anh Tuấn.

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do xuất kho: Xuất bán

Xuất tại kho: Kho công ty

Địa điểm: 51A Lương Khánh Thiện

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xe ô tô du lịch 05 chỗ mới 100%, hiệu DAEWOO LACETTI CDX	DLCDX	chiếc	01	01	279.090.909	279.090.909
	Cộng						279.090.909

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Hai trăm bảy chín triệu không trăm chín mươi nghìn chín trăm linh chín đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 05 tháng 1 năm 2011

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01/GTKT3/001

AA/11P

Liên 3: Nội bộ

0089444

Ngày 29 tháng 1 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Đông Á

Địa chỉ: 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - HP

Số tài khoản:

Điện thoại.....MST.....0200639795.....

Họ tên người mua hàng: Phạm Minh Trường

Tên đơn vị:

Địa chỉ: 4D Hồ Sen – Lê Chân – Hải Phòng

Số tài khoản: 3.150.002-12

Hình thức thanh toán: CK.....MST.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Xe ô tô con loại 05 chỗ, hiệu kia morning slx Nước sx: Hàn Quốc Năm sx: 2010 Màu xám, mới 100% SK:KNABM514BBT108444 SM: G4HEA839331 Tờ khai NK: 20648 (10/12/2010)	Chiếc	01	200.909.091	200.909.091
Cộng tiền hàng					200.909.091
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			20.090.909
Tổng cộng tiền thanh toán:					221.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai một triệu đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

CTY TNHH TM ĐÔNG Á
51A Lương Khánh Thiện - HP

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 29 tháng 01 năm 2011

Số: 19/01

Nợ TK 632

Có TK 156

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Anh Tuấn.

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do xuất kho: Xuất bán

Xuất tại kho: Kho công ty

Địa điểm: 51A Lương Khánh Thiện

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xe ô tô con loại 05 chỗ, hiệu kia morning slx	KMSLX	chiếc	01	01	198.775.551	198.775.551
	Cộng						198.775.551

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một trăm chín tám triệu bảy trăm bảy mươi năm nghìn năm trăm năm một đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 29 tháng 1 năm 2011

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH TM Đông Á
51A Lương Khánh Thiện-HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

ĐVT: VNĐ

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệuTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
						
4/1/2011	PX01/01	4/1/2011	Xuất hàng bán cho Lê Thị Thu Hà	632	194.801.376	
				156		194.801.376
4/1/2011	0089405 PT01/01	4/1/2011	Doanh thu BH cho Lê Thị Thu Hà	111	221.000.000	
				511		200.909.091
				3331		20.090.909
.....						
5/1/2011	PX04/01	5/1/2011	Xuất hàng bán cho Đào Mạnh Hùng	632	279.090.909	
				156		279.090.909
5/1/2011	0089408	5/1/2011	Doanh thu BH cho Đào Mạnh Hùng	131	309.000.000	
				511		280.909.091
				3331		28.090.909
9/1/2011	PN01/01	9/1/2011	Nhập kho xe KMSLX	156	437.292.856	
				112		165.704.000
	TKHQ4515	9/1/2011		3333		135.877.280
				3332		135.711.576
9/1/2011	TKHQ4515	9/1/2011	Thuế GTGT hàng NK	133	43.729.286	
				33312		43.729.286
						
21/1/2011	PN02/01	21/1/2011	Nhập kho xe DL CDX	156	1.909.461.645	
				112		723.555.000
	TKHQ5678	21/1/2011		3333		593.315.100
				3332		592.591.545
.....						
29/1/2011	PX19/01	29/1/2011	Xuất hàng bán cho Phạm Minh Trường	632	198.775.551	
				156		198.775.551
29/1/2011	0089444	29/1/2011	Doanh thu BH cho Phạm Minh Trường	131	221.000.000	
				511		200.909.091
				3331		20.090.909
						
Cộng SPS					381.236.222.610	381.236.222.610

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH TM Đông Á
51A Lương Khánh Thiện-HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức Nhật ký chung)
Năm 2011
Tên tài khoản: Hàng hoá
Số hiệu: 156

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		5.933.941.772	
			Số phát sinh trong kỳ			
04/01/11	PX01/01	04/01/11	Xuất bán xe KMSLX cho Lê Thị Thu Hà	632		194.801.376
04/01/11	PX02/01	04/01/11	Xuất bán xe KMSLX cho Trần Lan Hương	632		194.801.376
05/01/11	PX03/01	05/01/11	Xuất bán xe KMSLX cho cty Vạn Lộc	632		194.801.376
05/01/11	PX04/01	05/01/11	Xuất bán xe DLCDX cho Đào Mạnh Hùng	632		279.090.909
09/01/11	PN01/01	09/01/11	Nhập kho xe KMSLX	112	165.704.000	
	TKHQ4515	09/01/11		3333	135.877.280	
				3332	135.711.576	
10/01/11	PX05/01	10/01/11	Xuất bán xe KMSLX cho Đặng Như Minh	632		198.775.551
.....						
10/01/11	PX08/01	10/01/11	Xuất bán xe KSTLX cho Vương Tuấn Anh	632		419.175.235
.....						
21/01/11	PN02/01	21/01/11	Nhập kho xe DL CDX	112	723.555.000	
	TKHQ5678	21/01/11		3333	593.315.100	
				3332	592.591.545	
.....						
29/01/11	PX19/01	29/01/11	Xuất bán xe KMSLX cho Phạm Minh Trường	632		198.775.551
						
			Cộng phát sinh		85.549.175.870	80.285.213.912
			Tồn cuối kỳ		11.197.903.730	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á

3.1. Phương hướng phát triển của Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Trong tình hình nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế nước ta nói riêng đang có những thay đổi lớn, Công ty TNHH Thương mại Đông Á đã có những định hướng phát triển trong tương lai để kịp thời bắt nhịp được với sự thay đổi trong nền kinh tế nhằm đưa Công ty ngày càng phát triển hơn nữa.

Tích cực đẩy mạnh quảng bá hình ảnh công ty đến khách hàng. Để làm được điều đó là sự nỗ lực không ngừng nghỉ của tập thể ban lãnh đạo Công ty và toàn thể nhân viên.

Giữ vững và phát huy được xu hướng phát triển hiện nay của công ty cả về doanh số và nhân lực.

Tăng cường đào tạo và phát huy tính sáng tạo của đội ngũ cán bộ công nhân viên nhằm ngày càng tăng cường được hàm lượng công nghệ trong công việc, cải thiện năng suất và hiệu quả công việc.

Củng cố và phát huy thương hiệu ô tô Đông Á về các mặt:

- Chất lượng sản phẩm tốt nhất
- Thời gian giao hàng nhanh nhất
- Phong cách phục vụ chuyên nghiệp nhất
- Sự hài lòng của khách hàng.

3.2. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.

Trải qua hơn 7 năm hình thành và lớn mạnh, công ty TNHH Thương mại Đông Á đã và đang đạt được bước chuyển mình mang tính đột phá cả về mặt chất lượng cũng như quy mô. Công ty không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường cũng như tiềm năng sẵn có của mình. Công ty đã đạt những thành công nhất định trong kinh doanh đem lại cho Nhà nước nguồn

ngân sách lớn, đồng thời tạo việc làm cho nhiều người lao động có thu nhập cao ổn định cuộc sống góp phần thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển. Đó là những nỗ lực không ngừng của tất cả lãnh đạo và đội ngũ nhân viên trong công ty TNHH Thương mại Đông Á. Qua thời gian tìm hiểu thực tế công tác kế toán nói chung và hạch toán kế toán hàng tồn kho nói riêng tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á em nhận thấy Công ty có nhiều ưu điểm song vẫn tồn tại một số hạn chế. Công ty nên phát huy những ưu điểm của mình đồng thời có những biện pháp khắc phục hạn chế để hoàn thiện hơn công tác kế toán hàng tồn kho nói riêng và công tác kế toán nói chung trong thời gian tới.

3.2.1. Kết quả đạt được

3.2.1.1. Thứ nhất: Về tổ chức bộ máy quản lý.

Công ty tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến – chức năng. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty tương đối gọn nhẹ, các phòng ban, bộ phận có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Từng nhân viên trong công ty được gắn bó vào hoạt động chuyên biệt, điều đó cho phép họ tích lũy được kinh nghiệm phát huy được năng lực sở trường để thực hiện công việc có hiệu quả cao.

3.2.1.2. Thứ hai: Về tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như trình độ chuyên môn của kế toán viên. Theo mô hình này, toàn bộ công việc đều được tập trung tại Phòng kế toán của Công ty. Việc áp dụng mô hình này đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất, kiểm tra cung cấp thông tin một cách kịp thời, thuận lợi trong công tác phân công công việc, đồng thời do tổ chức bộ máy gọn nhẹ nên tiết kiệm được chi phí.

Dưới sự quản lý của kế toán trưởng, mỗi kế toán viên đảm nhận một phần hành kế toán độc lập, đến cuối kỳ tập hợp lại cho kế toán trưởng tổng hợp lập các báo cáo. Với việc phân chia cụ thể từng phần việc cho từng kế toán viên sẽ tạo tinh thần chủ động, sáng tạo trong công việc đồng thời phát huy được tinh thần trách nhiệm của mỗi người đối với công việc của mình.

Đội ngũ cán bộ kế toán có trình độ, năng lực, kinh nghiệm và sự nhiệt tình trong công tác kế toán, không ngừng bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, cung cấp các thông tin cho ban lãnh đạo ra những quyết định đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.2.1.3. Thứ ba: Về tổ chức công tác kế toán:

Tổ chức công tác kế toán được thực hiện theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006.

Hệ thống tài khoản: Công ty TNHH Thương mại Đông Á áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán đặc biệt là những chuẩn mực mới và các thông tư hướng dẫn, các quy định của Nhà nước.

Hệ thống chứng từ: Chứng từ mà Công ty sử dụng để hạch toán đều đúng theo mẫu biểu mà Bộ tài chính ban hành từ: phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất kho,..Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép 1 cách đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán. Các chứng từ được lưu trữ cẩn thận theo từng loại, từng hợp đồng thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu.

Hệ thống sổ sách: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung, hình thức này tương đối đơn giản, đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ và điều kiện kỹ thuật tính toán cũng như yêu cầu quản lý của Công ty, giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy, dễ lấy. Như vậy, hình thức nhật ký chung đã đáp ứng được yêu cầu hạch toán kế toán và quản lý của Công ty.

3.2.1.4. Thứ tư: Về tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho

Nhìn chung, tổ chức kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho hiện hành, tuân thủ các quy định của nhà nước về hệ thống tài khoản, hệ thống sổ sách, chứng từ, đảm bảo sự thống nhất giúp nhà nước có thể kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp.

❖ Đối với hoạt động nhập-xuất kho:

Công ty TNHH Thương mại Đông Á đã xây dựng một quy trình nhập-xuất kho tương đối hoàn thiện: chẳng hạn, đối với hoạt động nhập kho, dựa vào kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, kế hoạch dự trữ hàng tồn kho, yêu cầu mua hàng -> phó giám đốc lập giấy đề nghị mua hàng (sau khi được phê duyệt)-> lập đơn đặt hàng hoặc thỏa thuận các hợp đồng mua hàng -> nhập khẩu hàng -> nhập kho. Đối với quy trình nhập khẩu ô tô nguyên chiếc mới 100%, Công ty đã thực hiện đúng theo Thông tư 194/2010/TT-BTC ngày 6/12/2010. Với mặt hàng nhập khẩu là ô tô Công ty đã thực hiện đúng theo Thông tư số 24/2010/TT-BCT, đăng ký giấy phép nhập khẩu tự động và đăng ký đăng kiểm đối với xe ô tô nhập khẩu với cơ quan đăng kiểm.

Đối với hoạt động xuất kho, công ty đã xây dựng quy trình xuất kho phù hợp. Đảm bảo các căn cứ ghi sổ phù hợp với chuẩn mực kế toán.

❖ Về kế toán chi tiết hàng tồn kho:

Công ty TNHH Thương mại Đông Á hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song, đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu. Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty vì Công ty chỉ kinh doanh một loại mặt hàng là ô tô. Trong công tác hạch toán chi tiết hàng tồn kho tại Công ty, giữa phòng kế toán và thủ kho luôn có sự phối hợp chặt chẽ, thủ kho theo dõi hàng hóa, quản lý chi tiết hàng hóa, kế toán theo dõi chi tiết hàng hóa thông qua sổ chi tiết hàng hóa. Cùng với đó, Công ty luôn chú trọng đến công tác đối chiếu giữa sổ kế toán chi tiết với thẻ kho, đối chiếu số liệu trên Bảng nhập_xuất_tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp để đảm bảo tính hợp lý, chính xác.

❖ Về kế toán tổng hợp hàng tồn kho:

Tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên nên bất cứ thời điểm nào cũng tính được trị giá nhập, xuất, tăng, giảm hiện có của hàng hóa. Như vậy Công ty có điều kiện để quản lý tốt hàng tồn kho và hạch toán chặt chẽ đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra kế toán tại Công ty.

❖ **Về phương pháp tính giá hàng tồn kho:**

Công ty TNHH Thương mại Đông Á tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập là phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Với việc áp dụng phương pháp này giúp kế toán Công ty vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu, vừa phản ánh được tình hình biến động của thị trường.

3.2.2. Những hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán hàng tồn kho nói riêng tại Công ty còn có những hạn chế cần phải tiếp tục hoàn thiện.

3.2.2.1. Thứ nhất: Về việc hạch toán chi phí thu mua:

Công ty hạch toán chi phí thu mua vào TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh là không đúng theo quy định hiện hành.

3.2.2.2. Thứ hai: Về vấn đề kiểm kê hàng tồn kho:

Kiểm kê hàng tồn kho là việc tiến hành kiểm tra trực tiếp tại chỗ số hiện có tại thời điểm tiến hành kiểm kê thông qua việc cân, đong, đo, đếm. Mục đích của việc kiểm kê là nhằm đối chiếu số hàng hóa hiện có tại kho với số dư trên sổ sách kế toán để xác định số thừa, thiếu. Nhưng hiện tại Công ty chưa thực hiện việc kiểm kê hàng tồn kho định kỳ. Như vậy Công ty sẽ không đối chiếu được số lượng hàng tồn kho thực tế với số dư trên sổ sách kế toán, đồng thời không đánh giá được quy cách, phẩm chất của hàng tồn kho để có biện pháp xử lý kịp thời.

3.2.2.3. Thứ ba: Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán:

Do không áp dụng phần mềm trong hạch toán kế toán nên nhà quản trị và các nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

- Đối với nhà quản trị không áp dụng phần mềm kế toán sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi người phụ trách một phần hành kế toán dẫn đến tốn nhiều nhân sự. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ thì phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.

- Đối với nhân viên kế toán, mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ. Công tác tính toán, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay. Đặc biệt lên Báo cáo tài chính rất vất vả. Việc kiểm tra và soát sai sót khó khăn vì từ thông tin tổng hợp muốn biết thông tin chi tiết phải qua rất nhiều khâu (lọc chứng từ, xem báo cáo...).

3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Thương mại Đông Á

3.3.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện

Với nền kinh tế thị trường luôn có những biến động như hiện nay trong bất kì một DN nào thì vai trò của kế toán là rất quan trọng. Những thông tin mà kế toán đem lại giúp cho lãnh đạo DN quản lí điều hành, kiểm tra, tính toán hiệu quả kinh tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tốt nhất.

Trong tình hình hiện nay khi mà xu thế cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng gay gắt thì giá cả là yếu tố quyết định “số phận” sản phẩm, lợi nhuận của công ty. Đối với các công ty thương mại thì hàng tồn kho là yếu tố quan trọng quyết định sự sống còn của công ty đó. Hạch toán kế toán hàng tồn kho đầy đủ, chính xác, kịp thời là một trong những nhân tố đảm bảo cho sự tồn tại của công ty với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và khẳng định thương hiệu uy tín của mình trên thị trường. Vì vậy mà công tác hạch toán kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại là một phần không thể thiếu và không thể tách rời của doanh nghiệp thương mại.

Công ty TNHH Thương mại Đông Á mặc dù đã cố gắng tổ chức quản lí, điều hành hạch toán kế toán hàng tồn kho song vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để đáp ứng yêu cầu cung cấp, kịp thời hàng hóa có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường, tăng cao lợi nhuận cho công ty. Do đó việc tìm hiểu nghiên cứu các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức quản lí và hạch toán hàng tồn kho trong công ty là rất cần thiết và quan trọng.

Việc hoàn thiện giúp cho công ty khắc phục được những điểm hạn chế trong công tác kế toán hàng tồn kho, giúp cho phòng kế toán của công ty hoạt động hiệu quả hơn phát huy được khả năng của từng người, hoàn thiện giúp cho hạch toán hàng tồn kho chính xác số lượng, giá trị hàng tồn kho: đảm bảo chất lượng hàng hóa khi phát hiện những mặt hàng không đạt tiêu chuẩn thì có biện pháp điều chỉnh và đồng thời giúp cho lãnh đạo công ty có tầm nhìn chiến lược và có kế hoạch kinh doanh tốt hơn.

3.3.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.

Nền kinh tế ngày càng mở rộng, phát triển không chỉ riêng với nước ta mà còn với các nước trên thế giới. Để phù hợp với xu thế chung đó, Nhà nước ta đã ban hành những chính sách, chuẩn mực và thông tư hướng dẫn cụ thể đối với từng lĩnh vực kinh tế - xã hội. Nhiệm vụ của mỗi thành phần kinh tế là vận dụng sao cho đúng, cho đủ và hợp lý trong lĩnh vực của mình để đem lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất, góp phần phát triển nền kinh tế trong nước, hội nhập và mở rộng với nền kinh tế thế giới.

Yêu cầu đặt ra trong công tác hạch toán kế toán tại Công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất, các thông tư hướng dẫn... phù hợp với đặc điểm đơn vị mình. Hạch toán đầy đủ, chính xác theo chuẩn mực không chỉ thể hiện tính nghiêm túc chấp hành pháp luật mà còn có vai trò quan trọng trong công tác quản lý chi phí cũng như quản lý doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp đều có đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Đảm bảo sự tuân thủ thống nhất, chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.

Đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được cao nhất với chi phí thấp nhất.

Đảm bảo sự thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.

3.3.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Thương mại Đông Á

Bằng những kiến thức tài chính kế toán đã được học tại trường và qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á, em đã thấy được sự vận dụng giữa lý thuyết và thực tế trong công tác kế toán hàng tồn kho. Bên cạnh những mặt tích cực mà công tác kế toán hàng tồn kho đã đạt được trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của tổ chức kế toán. Xuất phát từ những hạn chế này, em xin đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện thêm tổ chức kế toán hàng tồn kho tại Công ty.

3.3.3.1. Giải pháp số 1: Về hạch toán chi phí thu mua.

Hiện Công ty TNHH Thương mại Đông Á đang sử dụng TK 156 để hạch toán giá mua hàng hóa và sử dụng TK 6428 để hạch toán chi phí thu mua hàng hóa. Việc hạch toán chi phí thu mua hàng hóa vào TK 6428 là không đúng chế độ kế toán.

Thứ nhất, Công ty nên mở chi tiết TK 156, để phân biệt rõ chi phí thu mua hàng hóa, giá mua hàng hóa để việc ghi chép và quản lý được thuận tiện và chính xác hơn.

+ Tài khoản 1561: “ Giá mua hàng hóa” phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của hàng hóa mua vào và đã nhập kho (Tính theo trị giá mua vào).

+ Tài khoản 1562: “ Chi phí thu mua hàng hóa” phản ánh chi phí thu mua hàng hóa thực tế phát sinh liên quan tới số hàng hóa đã nhập kho trong kỳ và tình hình phân bổ chi phí thu mua hàng hóa hiện có trong kỳ cho khối lượng hàng hóa đã bán trong kỳ và tồn kho thực tế cuối kỳ. Tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á chi phí thu mua hàng hóa hạch toán vào tài khoản này bao gồm các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình thu mua hàng hóa: chi phí lưu kho, lưu bãi, chi phí vận chuyển, bốc xếp, phí vệ sinh cont, phí tắc nghẽn.

Thứ hai, Công ty nên hạch toán chi phí thu mua hàng hóa vào TK 1562 thay bằng hạch toán vào TK 6428.

Cuối kỳ trước khi xác định kết quả kinh doanh, Công ty phải phân bổ chi phí thu mua cho ô tô đã bán trong kỳ và phản ánh chi phí thu mua phân bổ cho ô tô đã bán trong kỳ vào TK 632 – Giá vốn hàng bán.

Hạch toán như sau :

Nợ TK 632 : Giá vốn hàng bán

Có TK 1562 : Chi phí thu mua phân bổ cho ô tô đã bán trong kỳ

Công ty có thể áp dụng phân bổ chi phí thu mua theo tiêu thức số lượng theo công thức sau :

$$\begin{aligned} \text{Chi phí thu mua phân bổ cho ô tô tồn cuối kỳ} &= \frac{\text{Chi phí thu mua ô tô lúc đầu kỳ} + \text{CP thu mua ô tô phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng ô tô tồn cuối kỳ} + \text{Số lượng ô tô xuất trong kỳ}} \times \text{Số lượng ô tô tồn cuối kỳ} \\ \text{CP thu mua phân bổ cho ô tô bán trong kỳ} &= \text{CP thu mua ô tô lúc đầu kỳ} + \text{CP thu mua ô tô phát sinh trong kỳ} - \text{CP thu mua phân bổ cho ô tô tồn cuối kỳ} \end{aligned}$$

Ví dụ:

Trong tháng 1, Công ty nhập khẩu 05 chiếc xe deawoo lacetti se từ Hàn Quốc.

Ngày 25/1/2011, Công ty hoàn thành thủ tục hải quan và đưa hàng về nhập kho.

Theo tờ khai hải quan số 6032, giá nhập khẩu là 673.172.500. Thuế nhập khẩu

82% là 552.001.450, thuế TTĐB 45% là 551.328.278, thuế GTGT 10% là 177.650.223.

Tập hợp chi phí thu mua lô hàng 5 chiếc xe trên là: 5.582.045 (đ), trong đó:

- Theo hóa đơn GTGT số 0032128 chi phí bốc xếp chưa có thuế GTGT 10% là 1.110.000 (đ)
- Theo hóa đơn GTGT số 0032127 chi phí lưu bãi chưa có thuế GTGT 10% là 1.930.545 (đ)
- Theo hóa đơn GTGT số 0056163 chi phí vận chuyển, vệ sinh cont, phí tắc nghẽn chưa có thuế GTGT 10% là 2.541.500 (đ)

Định khoản bút toán giá mua hàng hóa và chi phí thu mua hàng hóa như sau:

a) Nợ TK 1561: 1.776.502.228
 Có TK 112: 673.172.500
 Có TK 3333: 552.001.450
 Có TK 3332: 551.328.278

b) Nợ TK 1562: 5.582.045
 Nợ TK 133: 558.205
 Có TK 111: 6.140.250

Cuối năm, kế toán tiến hành phân bổ chi phí thu mua cho ô tô đã bán trong kỳ như sau:

- Căn cứ vào số dư Nợ của TK 1562 xác định chi phí thu mua ô tô tồn đầu kỳ.
- Căn cứ vào tổng SPS bên Nợ của TK 1562 xác định được chi phí thu mua ô tô phát sinh trong kỳ.
- Căn cứ vào Bảng tổng hợp Nhập – xuất – tồn xác định:
 - Số lượng ô tô đã xuất bán trong kỳ
 - Số lượng ô tô tồn cuối kỳ

Áp dụng công thức phân bổ chi phí thu mua xác định chi phí thu mua phân bổ cho ô tô bán trong kỳ và phản ánh chi phí thu mua phân bổ cho ô tô bán trong kỳ vào TK 632:

Nợ TK 632
 Có TK 1562

3.3.3.2. Giải pháp số 2: Về kiểm kê hàng tồn kho.

Định kỳ Công ty nên tiến hành kiểm kê số lượng hàng tồn kho trong kho, đồng thời tiến hành đánh giá quy cách, phẩm chất của hàng tồn kho để có biện pháp xử lý kịp thời.

Khi kiểm kê Công ty phải thành lập hội đồng hoặc ban kiểm kê có thành phần của đại diện lãnh đạo những người chịu trách nhiệm về hàng hóa, kế toán và cán bộ quản lý doanh nghiệp. Khi kiểm kê phải lập biên bản kiểm kê hàng hóa (Mẫu 05-VT). Xác định chênh lệch giữa số liệu kiểm kê và số liệu ghi trong sổ kế toán, đề xuất ý kiến xử lý khoản chênh lệch nếu có.

Mẫu Biên bản kiểm kê hàng hóa

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á**

Bộ phận: Kho

Mẫu số: 05-VT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ HÀNG HÓA

_ Thời điểm kiểm kê: ... giờ....ngày... tháng... năm...

_ Biên bản gồm:

Ông/ Bà: Chức vụ: Đại diện..... Trưởng ban

Ông/ Bà: Chức vụ: Đại diện..... Ủy viên

Ông/ Bà: Chức vụ: Đại diện..... Ủy viên

_ Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
									Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
...			...	...										...	
...			...	...											
	Cộng	x	x	x	x		x		x		x		x	x	x

Ý kiến giải quyết chênh lệch:.....

Ngày ...tháng ...năm ...

Giám đốc

(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng

(Kí, họ tên)

Thủ kho

(Kí, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê

(Kí, họ tên)

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG Á**

Bộ phận: Kho

Mẫu số: 05-VT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ HÀNG HÓA

Thời điểm kiểm kê: 8 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2011

Biên bản gồm:

Ông/ Bà: Hoàng Quốc Hoàn Chức vụ: Giám đốc Đại diện..... Trưởng ban

Ông/ Bà: Ngô Thị Tâm Chức vụ: Kế toán trưởng Đại diện..... Ủy viên

Ông/ Bà: Nguyễn Văn Đồng Chức vụ: Thủ kho Đại diện..... Ủy viên

Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

S t	Tên, nhãn hiệu, quy cách hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100 %	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Xe KM SLX	KMSLX	Chiếc	213.564.695	05	1.067.823.473	05	1.067.823.473	0	0	0	0			
2	Xe KFS	KFS	Chiếc	437.103.633	05	2.185.518.166	05	2.185.518.166	0	0	0	0			
3	Xe DL CDX	DLCDX	Chiếc	356.028.255	03	1.068.084.764	03	1.068.084.764	0	0	0	0			
4	Xe DWSE	DWSE	Chiếc	331.823.402	03	995.470.205	03	995.470.205	0	0	0	0			
5	Xe KSTLX	KSTLX	Chiếc	569.175.230	06	3.415.051.380	06	3.415.051.380	0	0	0	0			
6	Xe TY	TY	Chiếc	377.329.845	04	1.509.319.378	04	1.509.319.378	0	0	0	0			
7	Xe HDT	HDT	Chiếc	478.318.182	02	956.636.364	02	956.636.364	0	0	0	0			
	Cộng	x	x	x	x	11.197.903.730	x	11.197.903.730	x	0	x	0	x	x	x

Ý kiến giải quyết chênh lệch:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng

(Kí, họ tên)

Thủ kho

(Kí, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê

(Kí, họ tên)

3.3.3.3. Giải pháp số 3: Áp dụng phần mềm kế toán vào hạch toán kế toán

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

- *Tốn ít thời gian*: Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác in ra.

- *Chính xác*: Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất doanh nghiệp gặp phải có thể do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ ban đầu.

- *Dễ sử dụng*: Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình cài nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng nó một cách dễ dàng.

- *Phát triển theo Công ty*: Hầu hết các phần mềm kế toán có khả năng phát triển theo tốc độ tăng trưởng của Công ty. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, người dùng hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng.

Bên cạnh đó việc sử dụng phần mềm còn giúp ích rất nhiều cho công tác quản lý cũng như kế toán của doanh nghiệp. Cụ thể:

➤ ***Đối với ban quản lý***:

- *Nắm được các thông tin tức thời từ các hoạt động của Công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm.*
- *Có được câu trả lời nhanh nhất từ bộ phận kế toán về các câu hỏi có liên quan đến quá trình kinh doanh.*
- *Tiết kiệm thời gian quản lý tài chính cho ban lãnh đạo ít nhất 50%.*
- *Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu, con số thống kê, đồ họa minh họa.*

- Ban lãnh đạo có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, tìm kiếm thông tin, phân tích thông tin trên cơ sở dữ liệu tài chính của Công ty.
- Ban lãnh đạo hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán, tài chính, nắm được cơ chế hoạt động. Từ đó có thể yêu cầu các bộ phận có liên quan báo cáo các thông tin cần thiết một cách chính xác.

➤ **Đối với bộ phận kế toán tài chính:**

- Có được giải pháp chuẩn, quy trình chuẩn về kế toán, tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của Bộ tài chính và pháp luật Việt Nam.
- Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo quy định.
- Thực hiện các chức năng kế toán quản trị để phục vụ yêu cầu của Ban lãnh đạo.
- Khả năng trả lời nhanh các câu hỏi của Ban lãnh đạo liên quan đến các con số: doanh thu, chi phí, lãi/lỗ, tiền tại quỹ và ngân hàng, công nợ...
- Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.

➤ **Đối với các bộ phận khác:**

Quan hệ giữa các phòng ban trở nên thuận tiện hơn, có thông tin nhanh, phối kết hợp thông tin giữa các phòng ban tránh công việc trùng lặp.

Hiện nay trên thị trường có nhiều phần mềm kế toán, Công ty có thể lựa chọn một phần mềm kế toán phù hợp với Công ty mình. Sau đây em xin đưa một số phần mềm phổ biến hiện nay.

➤ **Phần mềm kế toán MISA (Phiên bản MISA SME.NET 2012)**

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua

Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010.

Phần mềm được thiết kế từ nhiều phân hệ độc lập, tích hợp với nhau tạo thành một hệ thống quản trị tài chính chặt chẽ. MISA SME.NET 2012 được phát triển trên nền tảng công nghệ mới nhất - Microsoft.NET, tích hợp hàng loạt những tính năng ưu việt, tự động hóa tất cả các nghiệp vụ kế toán, dữ liệu tài chính được cập nhật từng giây, là công cụ hỗ trợ đắc lực cho các doanh nghiệp trong công tác hạch toán kế toán. MISA SME.NET 2012 sử dụng bộ mã Unicode theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001, tuân thủ quy định của Chính phủ về việc lữu trữ và trao đổi dữ liệu.

Dưới đây là hình ảnh giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012



➤ Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING

- *Fast accounting (phiên bản 10.0)* mang những tính năng nổi bật như: có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm...), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập dữ liệu này sang màn hình nhập dữ liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt...). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

- *Fast accounting (phiên bản 10.0)* là phần mềm kế toán được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Dưới đây là hình ảnh giao diện phần mềm Fast accounting (phiên bản 10.0)



3.3.3.4. Phân tích chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý hàng tồn kho

Để đánh giá hiệu quả quản lý hàng tồn kho, Công ty nên sử dụng chỉ tiêu sau để phân tích:

- *Hệ số vòng quay hàng tồn kho:*

Số lần hàng hoá tồn kho bình quân được bán ra. Hệ số này đánh giá hiệu quả quản lý hàng tồn kho của Công ty. Nếu hệ số này lớn cho biết tốc độ quay vòng của hàng hóa trong kho là nhanh và ngược lại nếu hệ số này nhỏ thì tốc độ quay vòng hàng tồn kho thấp. Công ty nên so sánh hệ số vòng quay hàng tồn kho qua các năm để đánh giá năng lực quản trị hàng tồn kho là tốt hay xấu qua từng năm.

+) *Công thức tính*

$$\text{Hệ số vòng quay của hàng hóa tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Số dư bình quân của hàng hóa tồn kho}}$$

- *Số ngày của một vòng quay hàng tồn kho:*

Là chỉ tiêu phản ánh số ngày trung bình của một vòng quay hàng tồn kho.

+) *Công thức*

$$\text{Số ngày của một vòng quay} = \frac{360}{\text{Hệ số vòng quay của hàng hóa tồn kho}}$$

Công ty nên lập bảng phân tích 2 chỉ tiêu hệ số vòng quay hàng tồn kho và số ngày lưu kho qua các năm để đánh giá năng lực quản trị hàng tồn kho là tốt hay xấu.

Căn cứ vào số liệu thu thập được tại Công ty qua 2 năm 2010 và 2011, em xin lập bảng phân tích như sau:

Bảng 3.1. Số vòng quay hàng tồn kho và số ngày lưu kho

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2011 so với năm 2010	
			Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Giá vốn hàng bán	78.490.623.124	80.285.213.912	1.794.590.790	2,29
Tồn kho đầu kỳ	8.534.927.514	5.933.941.772	-2.600.985.742	-30,47
Tồn kho cuối kỳ	5.933.941.772	11.197.903.730	5.263.961.958	88,71
Tồn kho bình quân	7.234.434.643	8.565.922.751	1.331.488.108	18,4
Vòng quay hàng tồn kho	10,85	9,37	-1,48	-13,64
Số ngày lưu kho	33,18	38,42	5,24	15,8

Nhìn vào bảng số liệu ta thấy năm 2011, số vòng quay hàng tồn kho là 9,37 vòng, tương ứng với thời gian hàng hóa ở trong kho trung bình là 38,42 ngày. Như vậy so với năm 2010 thì năm 2011 tốc độ luân chuyển của hàng tồn kho đã giảm 1,48 vòng và số ngày lưu kho tăng tương ứng là 5,24 ngày. Đây là biểu hiện không tốt vì khả năng chuyển thành tiền của hàng tồn kho đã giảm. Nguyên nhân là do giá vốn hàng bán tăng chậm hơn tốc độ tăng của hàng tồn kho bình quân, cụ thể là giá vốn hàng bán chỉ tăng 2,29%, trong khi hàng tồn kho bình quân tăng 18,4%.

Do đó, sang năm 2012 Công ty cần có kế hoạch đẩy mạnh tiêu thụ hơn nữa để đẩy nhanh quá trình chuyển thành tiền của hàng tồn kho.

KẾT LUẬN

Để trở thành công cụ quản lý có hiệu lực, kế toán nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng phải luôn được cải tiến và hoàn thiện nhằm đáp ứng công tác quản lý trong nền kinh tế hiện nay. Kế toán hàng tồn kho chính xác, đầy đủ là điều kiện cần thiết để cung cấp nhanh chóng, kịp thời các thông tin, giúp cho nhà quản lý sáng suốt đưa ra những quyết định đúng đắn, mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

Sau thời gian thực tập tại công ty, được sự giúp đỡ của cô hướng dẫn và phòng Kế toán Công ty, em đã nhận thức được mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động kế toán tại công ty, sự cần thiết, tầm quan trọng của kế toán nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng.

Do thời gian thực tập ngắn, khả năng còn nhiều hạn chế mà sự vận dụng lý thuyết nhà trường vào thực tiễn là cả một quá trình. Do đó, khóa luận không tránh khỏi những sai sót, em mong được sự xem xét, chỉ bảo của thầy cô, các cô chú và các anh chị phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại Đông Á. Tuy nhiên, trên cơ sở tình hình cụ thể của công ty, em có đề xuất một số giải pháp, hy vọng những giải pháp đó sẽ góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán hàng tồn kho của công ty.

Một lần nữa em xin trân trọng cảm ơn ThS – Cô giáo Trần Thị Thanh Phương, ban lãnh đạo công ty và phòng Kế toán đã tạo điều kiện, hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2012

Sinh viên

Nguyễn Thị Nhung

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán Doanh nghiệp: Quyển1 - Bộ tài chính - Nhà xuất bản thống kê, 2006.
2. Chế độ kế toán Doanh nghiệp: Quyển 2 - Bộ tài chính - Nhà xuất bản thống kê, 2006.
3. Các sổ sách chứng từ của Công ty TNHH Thương mại Đông Á năm 2011.
4. Lí thuyết và thực hành kế toán tài chính - TS.Nguyễn Văn Công- Nhà xuất bản tài chính